

CÔNG TY CỔ PHẦN
GARMEX SÀI GÒN
GARMEX SAIGON

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 301 /CBTT.2019

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 11 năm 2019
HoChiMinh City, Nov. 18th, 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ SGDC TP.HCM

DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE
STATE SECURITIES COMMISSION'S PORTAL
AND HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL

Kính gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN
/ *GARMEX SAIGON CORPORATION*
 - Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: GMC
 - Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp,
Thành phố Hồ Chí Minh/ *252 Nguyen Van Luong, Ward 17, GoVap District,*
HoChiMinh City
 - Điện thoại/ *Telephone*: 028-39844822
 - Fax: 028 - 39844746
 - Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Nguyễn Minh Hằng
Chức vụ/ *Position*: Phó Tổng Giám đốc, phụ trách Tài chính và Đầu tư
- Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
Information disclosure type: *Periodic* *Irregular* *24 hour* *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):
Bản cáo bạch phát hành cổ phiếu ra công chúng

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 18/11/2019
tại đường dẫn : <http://garmexsaigon-gmc.com/quan-he-co-dong>
This information was disclosed on Company's Portal on date Nov.18th, 2019 Available at:
<http://garmexsaigon-gmc.com/quan-he-co-dong>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm
trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./
I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally
responsible for any misrepresentation.

Nơi gửi

- Như trên
- Lưu VP

Đại diện tổ chức/ Organization representative
Người UQ CBTT/ *Party authorized to disclose information*

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN MINH HẰNG

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

**BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN**

(Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0300742387 (số cũ 4103002036) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày lần đầu 07/07/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 18/07/2019)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 121/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 11 năm 2019)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày.....tại:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

Địa chỉ : 252 Nguyễn Văn Lượng, P.17, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (028) 3984 4822
Fax : (028) 3984 4746
Email : headoffice@garmexjs.com
Website : www.garmexsaigon-gmc.com

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT - CN TP HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, P.Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (028) 6290 8686
Fax : (028) 6291 0607
Website : www.fpts.com.vn

Người Công bố thông tin

Tên : Lê Hùng Chức vụ: Tổng Giám Đốc Công Ty kiêm Thành viên HĐQT
Điện thoại : (028) 3984 4822 Fax : (028) 3984 4746

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

(Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0300742387 (số cũ 4103002036) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày lần đầu 07/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 18/07/2019)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn
Mệnh giá	: 10.000 đồng
Giá bán	: 15.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	: 8.916.157 cổ phiếu
Hình thức	
• Chào bán ra công chúng (tỷ lệ 2:1)	: 8.916.157 cổ phiếu
Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	: 89.161.570.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

**Công ty TNHH PKF Việt Nam – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh**

Địa chỉ : Số 28 Nguyễn Thị Diệu, Phường 6, Quận 3, Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (84.28) 39333444

Fax : (84.28) 39308769

Email : pkf.hcm@pkf.com.vn

Website : www.pkf.com.vn

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

Địa chỉ : Tầng 20, Bitexco Financial Tower, Số 2 Đường Hải Triều, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84.28) 3824 5252

Fax : (84.28) 3824 5250

Email : eyhcmc@vn.ey.com

Website : www.ey.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN

**Công ty Cổ phần chứng khoán FPT – CN Tp.Hồ Chí Minh**

Trụ sở chính : 52 đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

Điện thoại : (84.24) 3773 7070 – 6271 7171

Fax : (84.24) 3773 9058

Email : fptsecurities@fpts.com.vn

Website : <http://www.fpts.com.vn>

Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.28) 6290 8686 Fax: (84.28) 6291 0607

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	6
1. Rủi ro về kinh tế.....	6
2. Rủi ro về luật pháp.....	6
3. Rủi ro đặc thù.....	8
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	8
5. Rủi ro pha loãng.....	9
6. Rủi ro quản trị.....	10
7. Rủi ro khác.....	10
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	11
1. Tổ chức phát hành.....	11
2. Tổ chức tư vấn.....	11
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	11
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	12
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	12
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty.....	14
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại.....	16
4. Danh sách những công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết của tổ chức phát hành.....	17
5. Báo cáo quá trình tăng vốn.....	19
6. Hoạt động kinh doanh.....	21
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	28
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	33
9. Chính sách đối với người lao động.....	35
10. Chính sách cổ tức.....	37
11. Tình hình tài chính.....	38
12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	45
13. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty).....	60
14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	60
15. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức:.....	61
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành:.....	61
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán.....	61

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	62
1. Loại cổ phiếu.....	62
2. Mệnh giá.....	62
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành.....	62
4. Giá chào bán dự kiến.....	62
5. Phương pháp tính giá.....	62
6. Phương thức phân phối.....	62
7. Thời gian phân phối cổ phiếu.....	63
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	65
9. Phương thức thực hiện quyền.....	65
10. Phương án xử lý cổ phần chưa phân phối hết và cổ phần lẻ phát sinh (nếu có).....	65
11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	66
12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:	66
13. Các loại thuế có liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán:	66
14. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu và phương án xử lý	67
15. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu:	67
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	68
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	68
1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán.....	68
2. Phương án xử lý trường hợp không huy động đủ nguồn vốn.....	68
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	69
IX. PHỤ LỤC	70

Danh mục bảng biểu

Sơ đồ 01: Sơ đồ tổ chức.....	14
Sơ đồ 02: Sơ đồ quản lý.....	15
Sơ đồ 03: Các xí nghiệp, phòng ban trực thuộc.....	17
Bảng 01: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần GMC trở lên	16
Bảng 02: Cơ cấu cổ đông.....	17
Bảng 03 : Cơ cấu doanh thu qua các năm.....	23
Bảng 04: Cơ cấu lợi nhuận qua các năm	23
Bảng 05: Chi phí hoạt động Công ty qua các năm	24
Bảng 06: Thông tin về các hợp đồng thi công.....	27
Bảng 07: Thông tin về các hợp đồng mua hàng	27
Bảng 08: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của.....	28
Bảng 10: Chính sách cổ tức.....	37
Bảng 11: Vốn điều lệ qua các năm	38
Bảng 12: Vốn kinh doanh qua các năm:	38
Bảng 13: Thời gian khấu hao Tài sản cố định	39
Bảng 14: Mức lương bình quân.....	39
Bảng 15: Các khoản thuế phải nộp.....	40
Bảng 16: Số dư các quỹ	40
Bảng 17: Chi tiết nợ vay	41
Bảng 18: Công nợ phải thu.....	41
Bảng 19: Công nợ phải trả.....	42
Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	43
Bảng 21: Giá trị tài sản cố định đến ngày 31/12/2015.....	60
Bảng 22: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	60
Bảng 23: Lịch trình phân phối cổ phiếu	64
Bảng 24: Kế hoạch sử dụng vốn.....	68

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO****1. Rủi ro về kinh tế**

Năm 2018 là một năm biến động của kinh tế toàn cầu. Kinh tế thế giới duy trì đà tăng trưởng tốt trong nửa đầu năm 2018, tuy nhiên vào thời gian còn lại của năm căng thẳng thương mại tăng cao đã làm xấu đi một phần bức tranh tăng trưởng. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) đưa ra chỉ số tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2018 đạt mức 3,6% giảm 0,2% so với năm 2017. Ngành hàng tiêu dùng như dệt may là một trong những ngành chịu ảnh hưởng khá lớn từ tăng trưởng của nền kinh tế bởi nhu cầu mặt hàng may mặc phụ thuộc vào thu nhập của người tiêu dùng. Với xu hướng giảm tốc của nền kinh tế thế giới nhu cầu của người tiêu dùng cũng vì vậy mà suy giảm theo.

Cuộc chiến tranh thương mại giữa Mỹ - Trung Quốc khiến quá trình lưu thông hàng hóa, tiền tệ trên thế giới có sự chuyển dịch. Các đơn hàng về gia công xuất khẩu có xu hướng dịch chuyển về các nước khu vực Đông Nam Á như Việt Nam, Myanmar, Campuchia..., nơi sở hữu nguồn lao động giá rẻ, các chính sách mở rộng thương mại để thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế. Tuy nhiên, về dài hạn những diễn biến phức tạp trong căng thẳng thương mại cùng với xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch đang là những yếu tố khó lường tác động đến ngành dệt may. Trong bối cảnh kinh tế năm 2018, Ngân hàng Thế giới (WB) đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2019 từ 2,9% xuống 2,6%. Lý do WB đưa ra động thái này là: cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, mâu thuẫn Italy - EU về kế hoạch ngân sách, rủi ro rút vốn và khủng hoảng cơ chế tỷ giá hối đoái tại các nước mới nổi.

Ngược lại với tình hình khó khăn của nhiều nền kinh tế khác trên thế giới, kinh tế Việt Nam năm 2018 khởi sắc với tổng sản phẩm trong nước (GDP) cả năm 2018 tăng 7,08%, đây là mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2008 về đây.

Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả năm 2018 tăng 3,54% so với năm 2017. Về cơ bản, CPI bình quân năm 2018 chịu tác động chủ yếu bởi lộ trình chỉnh giá dịch vụ y tế, dịch vụ khám chữa bệnh theo Thông tư số 39/2018/TT-BYT. Việc điều chỉnh giá nhóm này đã hoàn tất, làm CPI bình quân năm tăng 0,54%. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2018 tăng 1,48% so với bình quân năm 2017. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; chất lượng tăng trưởng được cải thiện. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, nền kinh tế vẫn còn những tồn tại, thách thức: Quá trình cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng có chuyển biến nhưng còn chậm; năng suất lao động còn thấp, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Tình hình kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn sẽ ảnh hưởng đến các doanh nghiệp nói chung và GMC nói riêng.

Công ty quản trị rủi ro bằng cách luôn theo dõi sát sao tình hình kinh tế và có phương án chủ động đối phó với những bất ổn có thể xảy ra nhằm đảm bảo ổn định sản xuất kinh doanh. Cơ cấu sản xuất xuất khẩu luôn đảm bảo cân đối giữa các thị trường truyền thống Hoa Kỳ - Châu Âu và Nhật bản, cân đối rủi ro 'mùa vụ' giữa thị trường xuất khẩu và nội địa.

2. Rủi ro lãi suất

Trong những tháng cuối năm 2018, mặt bằng lãi suất của các ngân hàng thương mại có dấu hiệu tăng cao, kéo theo việc làm tăng chi phí lãi vay trong cơ cấu chi phí của các doanh nghiệp Việt Nam, bao gồm cả GMC, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo thống kê của Tổng cục Thống kê, tính đến tháng 6/2019, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay về cơ bản ổn định, lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 6-9%/năm; 9-11% đối với trung và dài hạn. Đối với khách hàng có tình hình tài chính lành mạnh, mức tín nhiệm cao, lãi suất cho vay ngắn hạn ở mức 4-5%/năm. Cơ cấu tín dụng tiếp tục hướng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên theo chỉ đạo của Chính phủ; tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro được tăng cường kiểm soát.

Rủi ro biến động lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu đến từ các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tính đến ngày 30/06/2019, tỷ lệ nợ vay chiếm 22,48 % tổng tài sản của Công ty, việc vay chủ yếu bằng đồng USD trong bối cảnh FED đang liên tục tăng lãi suất làm tăng gánh nặng lãi vay của doanh nghiệp. Công ty sử dụng đồng USD để tài trợ các khoản vay giúp Công ty tận dụng được chi phí vay giá rẻ, và tận dụng nguồn thu ngoại tệ để trả nợ. Thế nhưng, nếu nguồn thu ngoại tệ bị ảnh hưởng sẽ làm gia tăng chi phí sử dụng nợ vay của Công ty lên rất nhiều. Hiện nay dư nợ vay tài chính bình quân của Công ty nằm trong khoảng trên 224 tỷ tới dưới 338 tỷ VND, trong trường hợp lãi suất cho vay (bằng VND và cả USD) tăng thêm 1%/năm thì Công ty sẽ chịu thêm khoản chi phí tài chính tối đa từ 2.24 tỷ tới 3,38 tỷ VND/năm

Nhằm giảm thiểu tác động từ rủi ro lãi suất, Công ty giao nhiệm vụ cho bộ phận Tài chính – Kế toán thường xuyên theo dõi tình hình biến động của tỷ giá, lãi suất, cân đối nguồn thu ngoại tệ và tỷ lệ vay nợ ngoại tệ, từ đó đưa ra kế hoạch vay nợ hợp lý đảm bảo nhu cầu vốn hoạt động sản xuất và kiểm soát rủi ro về lãi suất cách tốt nhất.

3. Rủi ro tỷ giá

Kết thúc năm 2018, diễn biến tỷ giá khá ổn định có xu hướng tăng nhẹ so với đầu năm 2018. Theo Báo cáo tóm tắt Tổng quan thị trường tài chính Việt Nam của Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia, tính đến 31/12/2018 tỷ giá trung tâm tăng khoảng 1,5% và tỷ giá tại ngân hàng thương mại tăng 2,8% so với đầu năm. Có nhiều nguyên nhân khiến tỷ giá tăng, như: Kinh tế Mỹ tăng trưởng ấn tượng (GDP năm 2018 tăng 2,9% so với mức tăng 2,2% năm 2017); Ngân hàng Dự trữ liên bang Mỹ (FED) tiếp tục nâng lãi suất đồng USD thêm 4 lần trong năm khiến USD tăng giá 4,8% và khiến các ngoại tệ khu vực mất giá tương ứng. Về diễn biến tỷ giá trong năm 2019, Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia dự báo, tỷ giá sẽ tiếp tục ổn định hoặc tăng nhẹ khoảng 1,5 – 2% nhằm cân đối hai mục tiêu ổn định vĩ mô và hỗ trợ xuất khẩu.

Tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – ngân hàng mà Công ty có lượng giao dịch ngoại tệ lớn, giá USD được ngân hàng niêm yết ngày 01/01/2019 ở mức 23.145 – 23.235 VND/USD (mua vào - bán ra) và 30/06/2019 ở mức 23.220 – 23.320 VND/USD. Như vậy, hiện tại tỷ giá NHTM đã tăng khoảng 0,34% so với đầu năm 2018

Phần lớn nguyên liệu đầu vào của ngành dệt may nhập khẩu từ Trung Quốc, Đài Loan... Với tình hình biến động tỷ giá hiện nay, việc đồng Nhân dân tệ mất giá nhiều hơn so với Việt Nam đồng. Trong khi đó, mặc hàng may mặc Việt Nam lại chủ yếu xuất khẩu sang Mỹ và Châu Âu, điều này tạo lợi thế kép cho các doanh nghiệp Việt Nam thời gian gần đây. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ như USD, do đó sẽ chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Hiện nay nhằm giảm thiểu rủi ro tỷ giá, Công ty quản lý bằng cách duy trì hợp lý lượng ngoại tệ và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được tỷ giá có lợi cho Công ty từ các ngân hàng thương mại có năng lực.

Tính tới 30/06/2019, Tài sản tài chính (khoảng 8,7 triệu USD – bao gồm Các khoản phải thu bằng USD) và Nợ tài chính (9,26 triệu USD – bao gồm Phải trả nhà cung cấp và vay ngân hàng bằng USD) của Công ty ở gần mức tương đương nhau vì vậy trong trường hợp tỷ giá biến động không nhiều sẽ ít ảnh hưởng tới kết quả của Công ty khi đánh giá chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

4. Rủi ro về luật pháp

GMC là Công ty cổ phần hiện đang đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Theo đó, mọi hoạt động của Công ty được giám sát bởi hệ thống các cơ quan nhà nước bao gồm: Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Tổng cục thuế; Và được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật, các nghị định và thông tư hướng dẫn liên quan.

Bên cạnh đó, do ngành nghề của Công ty là xuất khẩu may mặc nên hoạt động của Công ty cũng chịu tác động từ các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan và các yếu tố pháp lý của môi trường kinh doanh quốc tế và của các nước sở tại. Bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý liên quan đều có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo đó, Công ty luôn chủ động cập nhật và theo dõi các chính sách, chủ trương mới của nhà nước, luật pháp và thông lệ quốc tế để đưa ra mục tiêu, kế hoạch phù hợp với quy mô sản xuất của Công ty.

5. Rủi ro đặc thù

Nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu đầu vào của Công ty là vải các loại và phụ liệu may mặc – chiếm hơn 60% chi phí sản xuất kinh doanh, các nguyên liệu này chủ yếu được nhập khẩu từ Trung Quốc. Theo đó, những biến động về giá nguyên liệu sẽ ảnh hưởng đến biên lợi nhuận gộp của Công ty. Bên cạnh đó, do đặc thù quá trình sản xuất may mặc phải qua nhiều công đoạn và kết hợp nhiều chi tiết để tạo sản phẩm hoàn chỉnh nên việc cung cấp và quản lý chất lượng nguyên liệu rất quan trọng.

Để hạn chế rủi ro trên, Công ty định kỳ thực hiện xét duyệt, đánh giá nhà thầu phụ để xây dựng một hệ thống các nhà thầu phụ đạt tiêu chuẩn. Đối với những nhà cung cấp do khách hàng chỉ định, khi xảy ra sự cố, các nhà cung cấp này có trách nhiệm phối hợp với Công ty cùng xử lý. Về giải pháp trung và dài hạn, Công ty đang nỗ lực hướng đến nâng cấp toàn bộ các đơn hàng FOB hiện tại lên FOB cấp 2 (chủ động về nguồn nguyên liệu).

Chi phí nhân công:

Ngành may mặc là một trong những ngành thâm dụng lao động cao. Do đó chi phí lao động quyết định lớn tới việc lựa chọn nhà sản xuất hàng dệt may. Theo đánh giá của World Bank, Việt Nam đang mất dần lợi thế chi phí nhân công rẻ. Thu nhập tối thiểu vùng tại Việt Nam vào khoảng 182 USD/tháng cao hơn Bangladesh (19 USD), Campuchia (170 USD/tháng) và một số nước trong khu vực Châu Á khác. Hiện tại, Việt Nam đang dẫn đầu trong nhóm các nước có tỷ lệ tăng lương cao nhất Châu Á. Tốc độ tăng lương tối thiểu có thể khiến các doanh nghiệp may mặc Việt Nam kém hấp dẫn trong mắt khách hàng.

Nhận định được rủi ro này, Công ty tập trung phát triển vào các sản phẩm có giá trị thặng dư cao nhằm cạnh tranh với các đối thủ có nguồn lao động giá rẻ, tận dụng lợi thế năng lực nhân công may mặc có năng suất cao. Đồng thời Công ty tiếp tục thực hiện chính sách “thâm dụng đầu tư thay cho thâm dụng lao động”, tăng đầu tư thiết bị chuyên dụng, tự động hóa máy móc thiết bị và nâng cao kỹ năng trong lao động trực tiếp và gián tiếp. Ngoài ra Công ty còn định hướng phải đầu tư ra vùng III và vùng IV (khu vực có mức lương tối thiểu vùng thấp) để tăng năng lực cạnh tranh.

6. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Mức giá tham chiếu ngày 05/09/2019 là 29.400 đồng/cổ phiếu, trong khi giá phát hành cho cổ đông lần này là 15.000 đồng/cổ phiếu, do đó với sự chênh lệch này thì khả năng bán hết cổ phần trong đợt chào bán là khả thi. Tuy trong năm vừa qua kinh tế thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng đã có nhiều tiến triển tích cực nhưng xu hướng tăng trưởng ổn định của thị trường vẫn chưa được khẳng định chắc chắn khi hoạt động của các doanh nghiệp vẫn còn gặp khó khăn và điều kiện kinh tế vĩ mô vẫn cần cải thiện thêm.

Đợt chào bán cổ phiếu của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức chào bán, các yếu tố vĩ mô, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như sự hấp dẫn của cổ phần Công ty. Vì vậy, có thể có rủi ro không bán hết số cổ phần dự định chào bán. Theo đó, trong trường hợp không thu đủ số tiền như dự kiến từ đợt phát hành, Công ty sẽ huy động từ các nguồn khác như vay ngân hàng, v.v...

7. Rủi ro pha loãng

Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu có thể xảy ra khi Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ với giá bán thấp hơn thị giá của cổ phiếu đang lưu hành. Đối với đợt phát hành tăng vốn điều lệ của Công ty có một số lưu ý đối với nhà đầu tư về rủi ro pha loãng giá cổ phiếu như sau:

Tổng số cổ phiếu phát hành: 8.916.157 cổ phần (Tám triệu chín trăm mười sáu ngàn, một trăm năm mươi bảy cổ phần), chào bán ra công chúng với giá phát hành là 15.000 đồng/cp. Giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh vào ngày giao dịch không hưởng quyền theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{(PR_{t-1} \times \text{Số lượng CP đang lưu hành}) + (PR \times \text{Số lượng CP phát hành thêm})}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành} + \text{Số lượng cổ phiếu phát hành thêm}}$$

Trong đó:

- P_{tc} : là giá tham chiếu cổ phiếu cần xác định trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn điều lệ, đây là giá cần xác định.
- PR_{t-1} : là giá chứng khoán trên thị trường trước ngày giao dịch không hưởng quyền.
- PR : là giá phát hành.

Ví dụ:

Giả sử giá cổ phiếu GMC vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 35.000 đồng/cổ phiếu (PR_{t-1}). Tổng số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu là 8.916.157 cổ phần. Giá chào bán là 15.000 đồng/cp. Số lượng cổ phần hiện tại đang lưu hành là 17.831.668 cổ phần. Như vậy, ngày giao dịch không hưởng quyền giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh như sau:

$$\frac{(35.000 \times 17.831.668) + (15.000 \times 8.916.157)}{17.831.668 + 8.916.157} = 28.333 \text{ (đồng/cp)}$$

Theo Quy chế hướng dẫn giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh không thực hiện điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền nếu giá phát hành lớn hơn hoặc bằng giá đóng cửa của cổ phiếu trước ngày giao dịch không hưởng quyền sau khi đã điều chỉnh các quyền khác (nếu có).

Ngoài ra, việc thay đổi vốn chủ sở hữu của GMC cũng làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng lợi nhuận, từ đó ảnh hưởng đến chỉ số EPS hiện tại của GMC, cụ thể như sau :

Số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty thời điểm hiện tại là 17.831.668 cổ phần, số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty sau phát hành chào bán ra công chúng là 26.747.825 cổ phần, số lượng phát hành thêm là 8.916.157 cổ phần. Do số lượng cổ phần của Công ty tăng, nên ngay sau khi phát hành, thu nhập trên một cổ phiếu của Công ty sẽ bị pha loãng. Giả sử đến ngày 01/12/2019, đợt phát hành sẽ kết thúc, Công ty sẽ thu được toàn bộ số tiền từ đợt phát hành trên.

STT	Nội dung	2019 (dự kiến)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 (đồng)	62.400.000.000
2	Số lượng cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu quỹ	17.831.668
3	Số lượng cổ phần phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	8.916.157
4	Số lượng cổ phần sau khi phát hành cho cổ đông hiện hữu (cổ phần) $\{=(2)+(3)\}$	26.747.825
5	Số lượng cổ phần bình quân gia quyền sau khi phát hành tại thời điểm tháng 12/2019 (cổ phần) $\{=(2)+(4) \times 1\} / 12\}$	20.060.653

6	Thu nhập/cổ phần trước khi phát hành cho cổ đông hiện hữu (đồng/cp)=(1)/(2))	3.499
7	Thu nhập/cổ phần điều chỉnh (đồng/cổ phần) =(1)/(5))	3.111

Tại ngày 30/12/2018, giá trị sổ sách theo BCTC hợp nhất kiểm toán 2018 của Công ty là 24.545 đồng/CP. Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần từ việc phát hành (với giả định Công ty không mua cổ phiếu quỹ) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty sẽ giảm.

Tuy nhiên, những rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được và duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh sau đợt chào bán.

8. Rủi ro quản trị

Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào thì việc lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng quan trọng cho sự phát triển, do đó gắn liền với chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Để đạt được hiệu quả cao, khung quản trị rủi ro của doanh nghiệp cần được thiết kế phù hợp với đặc thù văn hóa và chiến lược phát triển riêng của công ty.

Dự kiến sau khi phát hành thì quy mô vốn của GMC sẽ tăng từ 178.809.280.000 đồng lên 267.970.850.000 đồng. Việc quy mô tăng nhanh này sẽ kéo theo những khó khăn, rủi ro về mặt quản trị công ty cũng như quản trị và sử dụng nguồn nhân lực. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn là doanh nghiệp có bề dày lịch sử cùng đội ngũ lãnh đạo với hơn 30 năm kinh nghiệm trong ngành dệt may, thì GMC luôn có thể lường trước mọi tình huống cũng như có nhiều phương án quản lý dự phòng, sẵn sàng đón đầu để giảm sự rủi ro về mặt quản trị, cơ chế quản lý xuống mức thấp nhất.

9. Rủi ro khác

Để hạn chế những rủi ro về thiên tai, hỏa hoạn,... hoặc các rủi ro không dự báo trước được nhưng lại gây thiệt hại rất lớn về người và tài sản, Công ty chủ động phòng tránh bằng việc mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của công ty, xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng, trang bị các thiết bị bảo vệ an toàn theo quy định và tổ chức các buổi tập huấn cho cán bộ nhân viên về những kiến thức cần thiết để đảm bảo an toàn khi có rủi ro xảy ra.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông: Bùi Tuấn Ngọc	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông: Lê Hùng	Chức vụ: Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
Bà: Nguyễn Minh Hằng	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính
Bà: Phan Thị Phương	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

CTCP Chứng khoán FPT – Chi nhánh TP.HCM

Đại diện: Lê Quang Ngọc Thanh Chức vụ: Giám đốc Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp

Giấy Ủy quyền số 114 – 2018/QĐ/FPTS-FHR ký ngày 17 tháng 12 năm 2018

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần chứng khoán FPT – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty, GMC	: Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
HĐQT	: Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
Tổ chức tư vấn	: Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT – Chi nhánh TP.HCM
Điều lệ Công ty	: Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
SGDCK HCM	: Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
TTLKCKVN	: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
BCTC	: Báo cáo Tài chính
TSCĐ	: Tài sản cố định
DTT	: Doanh thu thuần

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Tổng quan về Công ty

Thông tin chung

Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
Tên giao dịch quốc tế	:	Garmex Saigon Corporation
Tên viết tắt	:	GARMEX SAIGON
Mã chứng khoán	:	GMC
Địa chỉ	:	252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. HCM
Điện thoại	:	(028) 3984 4822
Fax	:	(028) 3984 4746
Website	:	www.garmexsaigon-gmc.com
Logo	:	
Vốn điều lệ	:	178.809.280.000 đồng

1.2. Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh

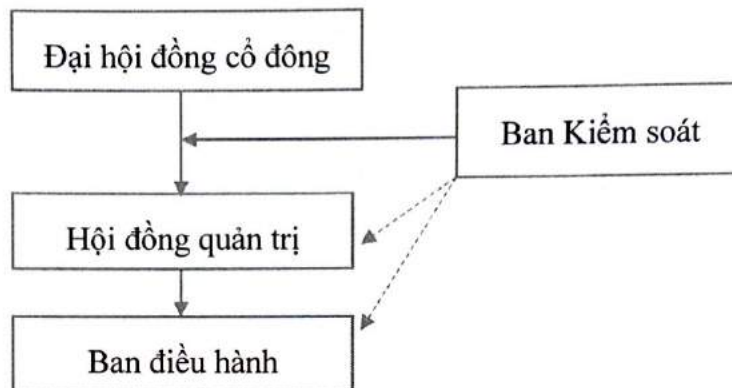
- Ngành nghề kinh doanh:
 - May trang phục, trừ trang phục từ da và lông thú, sản phẩm chính là quần áo may sẵn các loại.
 - Môi giới thương mại.
 - Kinh doanh vật tư, máy móc, thiết bị ngành may, nguyên phụ liệu phục vụ ngành may.
 - Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.
 - Đầu tư kinh doanh siêu thị và dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng, kinh doanh nhà, cho thuê nhà xưởng.
 - Tư vấn quản lý kinh doanh. Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng xuất khẩu, nhập khẩu.
 - Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác.
 - Hoàn thiện sản phẩm dệt: Công nghiệp dệt vải. Dịch vụ giặt, tẩy (Không hoạt động tại trụ sở).
 - Dịch vụ vận tải, vận tải hành khách đường bộ.
 - Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao.
 - Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh.
- **Địa bàn kinh doanh:** Sản phẩm của Công ty chủ yếu được xuất khẩu sang thị trường Mỹ, Châu Âu và Nhật Bản .

2. Quá trình hình thành và phát triển

- **1976:** Thành lập Liên hiệp Xí nghiệp May TP. HCM.
- **1993:** Liên hiệp Xí nghiệp May thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức lại thành Công ty Sản Xuất - Xuất nhập khẩu May Sài Gòn (Garmex Saigon)
- **2004:** Cổ phần hóa Garmex Saigon và trở thành Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương Mại May Sài Gòn (Garmex Saigon js).
- **2005:** Thành lập Xí nghiệp may Tân Phú và Xí nghiệp giặt Bình Chánh. Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Phú Mỹ. Trở thành thành viên liên kết với công ty Dệt may Gia Định.
- **2006:** Ngày 22/12/2006 là ngày giao dịch đầu tiên của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất – Thương Mại May Sài Gòn trên Sở GDCK Hồ Chí Minh với mã giao dịch GMC. Thành lập Công ty TNHH May Tân Mỹ.
- **2007:** Ngày 04/06/2007, Công ty tăng Vốn điều lệ lên 46.694.970.000 đồng.
- **2008 - 2009:** Công ty tăng vốn điều lệ lên 88.685.710.000 đồng.
- **2012:** Công ty góp 51% vốn điều lệ hợp tác với công ty TNHH Một thành viên Blue Exchange để thành lập công ty TNHH May Sài Gòn Xanh. Thành lập Xí nghiệp Hà Lam trực thuộc Công ty TNHH May Sài Gòn Xanh.
- **2013:** Tăng vốn điều lệ lên 106.324.310.000 VNĐ. Được Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn là Top 50 doanh nghiệp niêm yết tốt nhất tại Việt Nam. Là một trong 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp nhiều nhất trong năm 2013. Top 500 doanh nghiệp tư nhân có quy mô lớn nhất Việt Nam. Tháng 9 năm 2013 thành lập Công ty kinh doanh hàng may mặc trực thuộc Công Ty TNHH May Sài Gòn Xanh tại San Pedro, Los Angeles, Hoa Kỳ (Blue Saigon LLC).
- **2014:** Công ty tăng vốn điều lệ lên 116.903.300.000 đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức.
- **2015:** Mua lại 49% vốn góp của The Blue trong Công ty TNHH hai thành viên May Sài Gòn Xanh để hợp nhất thành Công ty TNHH một thành viên, 100% vốn của Garmex Saigon js.
- **2016:** Công ty tăng vốn điều lệ lên 155.556.200.000 đồng.
- **2018:** Công ty đoạt giải: Top 5 báo cáo thường niên tốt nhất nhóm vốn hóa nhỏ và Top 5 doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất nhóm vốn hóa nhỏ.
- **2019:** Công ty tăng vốn điều lệ lên 178.809.280.000 đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức.

3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ 01: Mô hình quản trị



Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan:

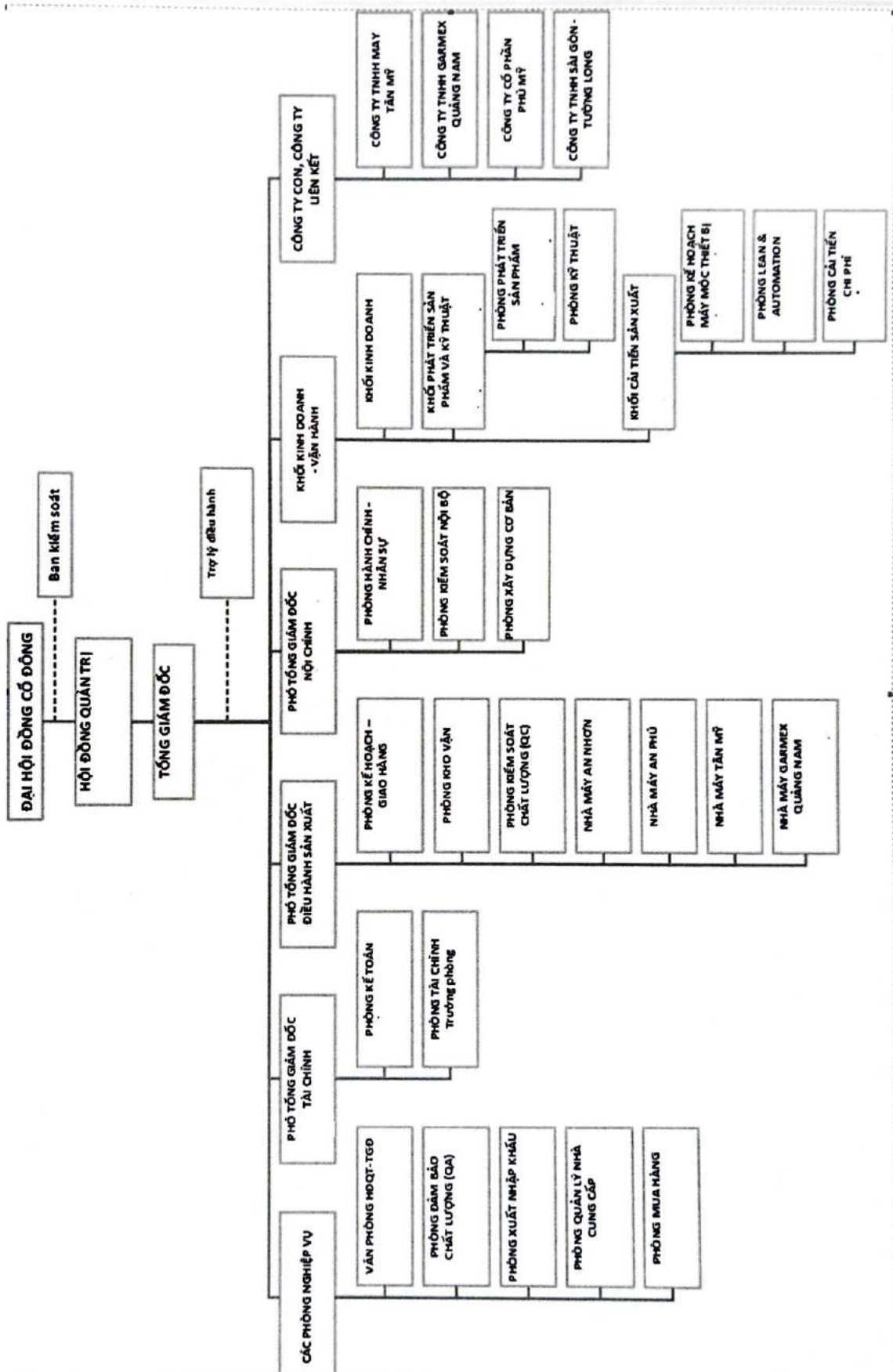
Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Tổng giám đốc: Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.

Sơ đồ 02: Sơ đồ quản lý



Các chi nhánh trực thuộc

NHÀ MÁY MAY AN NHƠN

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh

Diện tích: 14.000 m²

Năng lực: 14 -15 chuyên

Thị trường chủ yếu : Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản

Khách hàng chủ yếu: Columbia Sportswear (Mỹ), Cutter&Buck (Mỹ), Gramicci (Mỹ), New Wave (Thụy Điển), Teijin Frontier (Nhật Bản), Nits (Nhật bản)

NHÀ MÁY MAY AN PHÚ

Địa chỉ: 14/5 Quốc lộ 22, Ấp Chánh 2, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh

Diện tích: 14.000 m²

Năng lực: 18 - 20 chuyên

Thị trường chủ yếu: Mỹ, Châu Âu

Khách hàng chủ yếu: Decathlon (Pháp), Columbia Sportswear (Mỹ), Cutter&Buck (Mỹ), Gramicci (Mỹ), New Wave (Thụy Điển), Sealand (Đan Mạch)

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan (bàn đính kèm)

Bảng 01: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần GMC trở lên (Tính đến ngày 21/06/2019)

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần (CP)		Giá trị (triệu VND)	Tỷ lệ (%)
			Sở hữu	Đại diện		
1	Cty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	56 Phạm Ngọc Thạch, P6, Q3, TP.HCM	2.827.222		28.272.220.000	15,81%
2	Công ty Cổ Phần Đầu Tư T.T.A	Tầng 2, Hà Đô Airport Building, Số 2 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP.HCM	2.707.491		27.074.910.000	15,14%
3	Công ty Cổ Phần Dệt May Gia Định	10-12-14-16 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM	1.799.042		17.990.420.000	10,06%
4	Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Và Đầu Tư Thừa Thiên Huế	93 An Dương Vương, P, An Đông, TP.Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	1.266.614		12.666.140.000	7,08%

5	Lâm Từ Thanh	186 Thái Phiên, P,8, Q,11, Tp,HCM	940.596	1.004.662	19.452.580.000	10,88%
	Trong đó đại diện sở hữu:					
	+ Công Ty TNHH Thương Mại Á Châu	6 Trần Quang Diệu, P,13,Q,3, Tp,HCM		502.331	5.023.310.000	2,81%
	+ Công Ty TNHH Tân Á	90 Quốc lộ 1A Xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, Long An,		502.331	5.023.310.000	2,81%

Nguồn: GMC

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 07/01/2004, thay đổi lần thứ 16 ngày 18/07/2019.

Tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4.3. Cơ cấu cổ đông

Tính đến ngày 21/06/2019, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

Bảng 02: Cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Trong nước	15.502.327	86,70%
Cá nhân	3.605.653	20,17%
Tổ chức	11.896.674	66,53%
Ngoài nước	2.329.341	13,03%
Cá nhân	1.131.578	6,33%
Tổ chức	1.197.763	6,70%
Cổ phiếu quỹ	49.260	0,27%
Tổng cộng	17.880.928	100,00%

Nguồn: GMC

5. Danh sách những công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết của tổ chức phát hành

Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ MỸ

Địa chỉ: Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

Vốn thực góp của Garmex Sài Gòn : 4.341.000.000 đồng

Tỷ lệ vốn góp của GMC chiếm 32,47% Vốn cổ phần của Công ty cổ phần Phú Mỹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và cụm khu công nghiệp.

Công ty con

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAY TÂN MỸ

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch, Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

Vốn điều lệ thực góp: 15.000.000.000 đồng

Tỷ lệ vốn góp của GMC: 100%

Hoạt động kinh doanh chính:

- Lĩnh vực: Sản xuất hàng May mặc
- Thị trường chủ yếu: Mỹ, Châu Âu, Úc.
- Khách hàng chủ yếu: Columbia Sportswear (Mỹ), Cutter&Buck (Mỹ), Decathlon (Pháp), New Wave (Thụy Điển),

Quy mô:

- Diện tích: 50.000 m²
- Năng lực sản xuất: 17 chuyền (công suất thiết kế 36 chuyền)

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GARMEX QUẢNG NAM

Địa chỉ: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Vốn điều lệ thực góp: 86.000.000.000 đồng

Tỷ lệ vốn góp của GMC: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất hàng may mặc

+ Chi nhánh của Công ty TNHH GARMEX Quảng Nam: Nhà máy May Garmex Quảng Nam

Địa chỉ: Lô B/B2, Cụm Công Nghiệp Hà Lam Chợ Được, Xã Bình Phục, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Thị trường chủ yếu: Mỹ, Châu Âu, Úc

Khách hàng chủ yếu: Columbia Sportswear (Mỹ), Cutter&Buck (Mỹ), Decathlon (Pháp), New Wave (Thụy Điển),

Quy mô:

- Diện tích: 26.000 m²
- Năng lực sản xuất: 10 chuyền (công suất thiết kế 30 chuyền)

+ Công ty con Công ty kinh doanh hàng dệt may tại Hoa Kỳ (Blue Saigon LLC) - 100% vốn của Công ty TNHH Garmex Quảng Nam.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SÀI GÒN – TƯỜNG LONG

Địa chỉ: Số 05 Đại Lộ Thống Nhất – Khu công nghiệp Sóng Thần 2, phường Dĩ An, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Vốn thực góp của Garmex Sài Gòn : 1.700.000.000 đồng

Tỷ lệ vốn góp của GMC: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán, sản xuất quần áo các loại.

6. Báo cáo quá trình tăng vốn

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1	2007	23.944.970.000	46.694.970.000	Phát hành ra công chúng	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2007 số 08/NQĐHĐCĐ ngày 02 tháng 03 năm 2007 và Nghị quyết số 09/NQ.HĐQT ngày 13 tháng 03 năm 2007. - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán CP ra công chúng số 105/UBCK-ĐKCB do UBCK cấp ngày 04/06/2007; và quyết định số 478/QĐ-UBCK ngày 22 tháng 08 năm 2007 về việc chấp thuận gia hạn Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng. - Báo cáo kết quả chào bán CP ra công chúng số 48/CV.HĐQT ngày 26/07/2007 và số 60/BC.HĐQT ngày 12/09/2007.
2	2009	41.990.740.000	88.685.710.000	Phát hành cổ phiếu thưởng	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 số 01A/NQ09.CT ngày 01/04/2009; - Thông báo của UBCK số ngày 09/05/2009 về việc nhận đủ hồ sơ phát hành cổ phiếu thưởng - Báo cáo kết quả phát hành số ngày 08 tháng 06 năm 2009.
3	2013	17.638.600.000	106.324.310.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm năm tài chính 2011

					<p>số 01/NQ-ĐHCD 12 ngày 07 tháng 04 năm 2012; Nghị quyết của HĐQT về việc xin lấy ý kiến bằng văn bản số 12A/NQ.HĐQT ngày 20/07/2012 ; Nghị quyết số 16/NQ.ĐHCD12 ngày 27/08/2012.</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán CP ra công chúng số 54/GCN-UBCK do UBCK cấp ngày 07/12/2012.</p> <p>- Báo cáo kết quả chào bán CP ra công chúng ngày 27/02/2013 và báo cáo đính chính ngày 04/03/2013.</p>
4	2014	10.578.990.000	116.903.300.000	Phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu	<p>-Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 số 01/NQ-ĐHCD ngày 12/04/2014, nghị quyết 12/NQ-HĐQT/NK3 ngày 22/4/2014</p> <p>-Thông báo của UBCK số 2173/UBCK-QLPH ngày 13/5/2014 về việc nhận đủ hồ sơ phát hành cổ phiếu trả cổ tức</p> <p>- Báo cáo kết quả phát hành số 125/TGD – CT ngày 10/06/2014 và 140/TGD.CT ngày 20/6/2014.</p>
5	2016 (*)	38.652.900.000	155.556.200.000	Phát hành ra công chúng	<p>- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 số 01/NQ-ĐHCD ngày 27/04/2016, nghị quyết 23/NQ-HĐQT/NK3 ngày 04/07/2016</p> <p>- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán CP ra công chúng số 55/GCN - UBCK do UBCK cấp ngày 08/09/2016.</p>

- Đầu tư kinh doanh siêu thị và dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng, kinh doanh nhà, cho thuê nhà xưởng.
- Tư vấn quản lý kinh doanh. Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng xuất khẩu, nhập khẩu.
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác.
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: Công nghiệp dệt vải. Dịch vụ giặt, tẩy (Không hoạt động tại trụ sở).
- Dịch vụ vận tải, vận tải hành khách đường bộ.
- Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao.
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh.

7.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

- Cơ cấu doanh thu qua các năm

Bảng 03: Cơ cấu doanh thu qua các năm (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2017		2018		9 tháng/2019	
	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %
Doanh thu bán hàng	1.609.416	99,93%	2.040.333	99,76%	1.337.634	100,00%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.059	0,07%	4.991	0,24%	-	-
Tổng doanh thu	1.610.475	100,00%	2.045.323	100,00%	1.337.634	100,00%

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2017, 2018 và BCTC Hợp nhất quý III/2019

Bảng 04: Cơ cấu doanh thu qua các năm (Công ty mẹ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2017		2018		9 tháng/2019	
	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %
Doanh thu bán hàng	1.509.278	99,94%	1.985.288	99,96%	1.322.039	100,00%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	849	0,06%	796	0,04%	-	-
Tổng doanh thu	1.520.030	100,00%	1.985.468	100,00%	1.322.039	100,00%

Nguồn: BCTC Riêng kiểm toán 2017, 2018 và BCTC Riêng quý III/2019

- Cơ cấu lợi nhuận qua các năm:

Bảng 05: Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2017		2018		9 tháng/2019	
	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %
Lợi nhuận gộp bán hàng	260.982	100,00%	359.512	98,89%	216.279	100,00%
Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ	(0,000003)	-	4,048	1,11%	-	-
Tổng Lợi nhuận gộp	260.982	100,00%	363.560	100,00%	216.279	100,00%

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2017, 2018 và BCTC Hợp nhất quý III/2019

Bảng 06: Cơ cấu lợi nhuận qua các năm (Công ty mẹ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2017		2018		9 tháng/2019	
	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %
Lợi nhuận gộp bán hàng	176.444	100,01	278.120	100,01	202.978	100,00%
Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ	(13)	-	(17)	-	-	-
Tổng Lợi nhuận gộp	176.431	100,00	278.103	100,00	202.978	100,00%

Nguồn: BCTC Riêng kiểm toán 2017, 2018 và BCTC Riêng quý III/2019

7.3. Chi phí hoạt động qua các năm

- Chi phí hoạt động của Công ty

Bảng 07: Chi phí hoạt động Công ty qua các năm (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		9 tháng/2019	
	Giá trị	Tỷ lệ DTT	Giá trị	Tỷ lệ DTT	Giá trị	Tỷ lệ DTT
Giá vốn hàng bán	1.344.066	83,74%	1.675.340	82,17%	1.120.001	83,81%
Chi phí tài chính	12.263	0,76%	22.523	1,10%	8.742	0,65%
<i>Chi phí lãi vay</i>	9.101	0,57%	12.517	0,61%	6.130	0,46%
Chi phí bán hàng	50.536	3,15%	63.350	3,11%	18.635	1,39%
Chi phí quản lý DN	141.830	8,84%	156.212	7,66%	102.033	7,64%
Chi phí khác	1.999	0,12%	351	0,02%	172	0,01%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.944	1,12%	33.245	1,63%	21.350	1,60%
Tổng cộng	1.568.638	97,73%	1.951.021	95,69%	1.270.933	95,11%

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2017, 2018 và BCTC Hợp nhất quý III/2019

Bảng 08: Chi phí hoạt động Công ty qua các năm (Công ty mẹ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		9 tháng/2019	
	Giá trị	Tỷ lệ DTT	Giá trị	Tỷ lệ DTT	Giá trị	Tỷ lệ DTT
Giá vốn hàng bán	1.343.599	88,39%	1.707.366	85,99%	1.119.061	84,65%

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		9 tháng/2019	
	Giá trị	Tỷ lệ DTT	Giá trị	Tỷ lệ DTT	Giá trị	Tỷ lệ DTT
Chi phí tài chính	(4.457)	-0,29%	6.175	0,31%	16.752	1,27%
<i>Chi phí lãi vay</i>	7.156	0,47%	11.654	0,59%	6.130	0,46%
Chi phí bán hàng	23.280	1,53%	41.791	2,10%	13.133	0,99%
Chi phí quản lý DN	114.114	7,51%	150.536	7,58%	76.933	5,82%
Chi phí khác	1.906	0,13%	156	0,01%	15	0,00%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	15.980	1,05%	29.120	1,47%	20.956	1,59%
Tổng cộng	1.568.637	98,32%	1.935.143	97,47%	1.246.849	94,31%

Nguồn: BCTC Riêng kiểm toán 2017, 2018 và BCTC Riêng quý III/2019

Chi phí hoạt động của Công ty duy trì mức bình quân khoảng 96% trên doanh thu thuần. Bảng số liệu trên cho thấy giá vốn hàng bán luôn là yếu tố chi phí chiếm tỷ trọng trung bình lớn nhất với hơn 82,54% dựa trên báo cáo hợp nhất, và 85,96% dựa trên báo cáo riêng. Tính đến hết Quý III/2019, giá vốn hàng bán Công ty mẹ đạt 1.119.061 triệu đồng, tương đương 84,65% tổng giá trị doanh thu thuần trong kỳ.

Khoản mục chi phí lớn thứ hai của Công ty mẹ là chi phí Quản lý doanh nghiệp, khoản mục này chiếm từ 7,51% năm 2017 và tăng nhẹ lên 7,58% năm 2018. Trong 9 tháng đầu năm 2019, giá trị khoản mục Chi phí quản lý doanh nghiệp là 76.933 triệu đồng, chiếm 5,82% doanh thu thuần.

7.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh

- Các khoản đầu tư dài hạn:

Công ty TNHH May Tân Mỹ

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2018): 15.000.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu: 100% vốn điều lệ.
- Tình hình hoạt động SXKD Công ty TNHH May Tân Mỹ

Công ty TNHH GARMEX Quảng Nam

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2018): 86.000.000.000 đồng - Tỷ lệ sở hữu: 100% vốn điều lệ.
- Công ty TNHH GARMEX Quảng Nam đầu tư góp vốn 100% vốn vào Công ty kinh doanh hàng dệt may tại Hoa Kỳ (Blue Saigon LLC)

Công ty TNHH Sài Gòn – Tường Long

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2018): 1.700.000.000 đồng - Tỷ lệ sở hữu: 51% vốn cổ phần thực góp
- Sau hơn gần 1 năm chính thức hoạt động, hoạt động kinh doanh của công ty vẫn còn lỗ do năng suất chưa cao nhưng phải đảm bảo tiền lương cho người lao động. Năm 2019, Công ty trong giai đoạn xử lý công nợ phải thu. Sau khi xử lý xong khoản phải thu sẽ tiến hành giải thể chấm dứt hoạt động.

Công ty cổ phần Phú Mỹ

- Giá trị đầu tư (tại ngày 31/12/2018): 4.341.000.000 VND – Tỷ lệ sở hữu: 32,67% vốn cổ phần thực góp

- Đầu tư tài chính:

Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á

- Số cổ phần: 207.701 cổ phần
- Giá trị gốc đầu tư: 3.998.050.000 VND (trích lập dự phòng khoản đầu tư: 2.959.545.000 VND).
- Giá trị hợp lý: 1.038.505.000 VND.

Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam

- Số cổ phần: 25.266 cổ phần.
- Giá trị gốc đầu tư: 1.269.730.000 VND.

Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Gia Định

- Số cổ phần: 843.950 cổ phần
- Giá trị gốc đầu tư: 10.127.400.000 VND.

Thay đổi tình hình đầu tư tài chính: Trong năm 2018, Công ty đã thoái vốn khoản đầu tư có giá trị 1.919.150.000 đồng tại Công ty cổ phần da giày Sagoda.

7.5. Hoạt động Marketing

Chiến lược marketing của Công ty hoạt động theo cơ cấu thị trường của Công ty trong từng giai đoạn và tùy thuộc vào diễn biến tình hình kinh tế thế giới. HĐQT Công ty theo dõi chặt chẽ và cập nhật dự báo để có quyết sách về cơ cấu thị trường. Dựa vào định hướng của HĐQT, các phòng nghiệp vụ tiếp cận, chăm sóc và phát triển khách hàng. Toàn Công ty vận hành theo hệ thống đáp ứng yêu cầu, tạo vị thế trong hệ thống cung ứng của khách hàng.

GMC chủ động tiếp xúc hoặc trực tiếp tham gia hội chợ chuyên ngành tại thị trường mục tiêu để mở rộng nguồn khách hàng, chủ yếu là thị trường Mỹ. GMC sẽ hợp tác xúc tiến, thiết kế mẫu cho khách hàng mới và tự phát triển nguồn cung cấp nguyên phụ liệu trong nước và nước ngoài theo đơn hàng của khách; hợp tác đặt văn phòng giao dịch tại Mỹ để phát triển khách hàng và thiết kế sản phẩm;

7.6. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Nhãn hiệu thương mại đã đăng ký bản quyền:

- Logo của Công ty:



7.7. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 09: Thông tin về các hợp đồng cung cấp dịch vụ hàng hóa

STT	Nội dung hợp đồng	Tên nhà cung cấp	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện	Giá trị theo hợp đồng (USD)
1	Sản phẩm hàng may mặc	DESIPRO PTE LTD	31/05/2019	Không trễ hơn 31/05/2020	10.000.000
2	Sản phẩm hàng may mặc	NEWWAVE GROUP SA	10/02/2019	Không trễ hơn 28/02/2020	5.000.000
3	Sản phẩm hàng may mặc	COLUMBIA SPORTWEAR COMPANY	31/05/2019	Không trễ hơn 31/05/2020	10.000.000

Nguồn: GMC

Bảng 10: Thông tin về các hợp đồng mua hàng

STT	Nội dung hợp đồng	Tên đối tác	Ngày ký hợp đồng	Thời gian thực hiện	Trị giá HĐ
I	NHẬP KHẨU				
1	Mua vải (Chi tiết theo từng phụ kiện)	DESIPRO	31/12/2018	Đến hết 02/12/2019	Dự kiến 11.200.000 USD
II	TRONG NƯỚC				
1	Vải	CTY TNHH FORMOSA TAFFETA VN	27/06/2005	Đến hết 31/12/2019	Theo từng đơn đặt hàng cụ thể; Dự kiến 14 tỷ VNĐ.
2	Vải	CTY TNHH PROMAX VN	09/04/2019	Đến hết 31/12/2019	Theo từng đơn đặt hàng cụ thể; Dự kiến 76 tỷ VNĐ.
3	Dây kéo YKK	CTY TNHH YKK VIỆT NAM	02/01/2019	Đến hết 02/01/2022	Theo từng đơn đặt hàng cụ thể; Dự kiến 138 tỷ VNĐ.

Nguồn: GMC

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 11: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của GMC (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm	9 tháng/2019
Tổng giá trị tài sản	908.284	1.010.674	11,27%	913.532
Doanh thu thuần	1.605.048	2.038.901	27,03%	1.336.280
Lợi nhuận từ HĐKD	61.984	138.900	124,09%	92.307
Lợi nhuận khác	12.827	2.562	(80,03%)	831
Lợi nhuận trước thuế	74.811	141.462	89,09%	93.137
Lợi nhuận sau thuế	58.579	120.399	105,53%	69.974
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	79,41	38,64	(51,34%)	-

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2017, 2018 và BCTC Hợp nhất quý III/2019

Đến 31/12/2018, tổng giá trị tài sản hợp nhất của GMC đạt 1.011 tỷ đồng, tăng 102,4 tỷ đồng, tương ứng tăng 11,27 % so với năm 2017. Doanh thu thuần năm 2018 đạt 2.038,9 tỷ đồng, tăng 433,85 tỷ đồng, tương ứng tăng 27,03 % so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt 120,4 tỷ đồng, tăng 105,53 % so với năm 2017.

- **Điều chỉnh hồi tố sai sót số liệu của BCTC kiểm toán năm 2017 tại BCTC hợp nhất năm 2018**

Trong năm 2018, Ban Tổng Giám đốc đã điều chỉnh hồi tố các sai sót đối với một số khoản mục sau đây nhằm phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong các năm trước của Nhóm Công ty:

Phải trả người lao động và chi phí phải trả ngắn hạn

Trong năm 2018, Công ty đã hoàn nhập dự phòng quỹ lương cho người lao động theo các quy định về thuế nhưng không thỏa điều kiện của nghĩa vụ phải trả theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Theo đó, Công ty đã ghi tăng khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" vào ngày 31/12/2016 và ngày 31/12/2017 với số tiền lần lượt là 38.594.473.179 đồng và 31.000.000.000 đồng. Và ghi giảm khoản mục "Phải trả người lao động" và "Chi phí phải trả ngắn hạn" vào ngày 31/12/2017 với số tiền lần lượt là 27.000.000.000 đồng và 4.000.000.000 đồng. Và ghi tăng khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp" cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 với số tiền là 7.594 473.179 đồng.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả

Ngoài ra, Công ty cũng đã ghi nhận khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả cho khoản dự phòng quỹ lương nêu trên theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 17 -Thuế Thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, Công ty đã ghi giảm khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" và ghi tăng khoản mục "Thuế thu nhập hoãn lại phải trả" vào ngày 31/12/2016 và ngày 31/12/2017 với cùng số tiền lần lượt là 6.843.894.636 đồng và 5.450.000.000 đồng. Và ghi tăng khoản mục "Thu nhập thuế TNDN hoãn lại" cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 với số tiền là 1.393.894.636 đồng.

Ảnh hưởng của các khoản mục được điều chỉnh hồi tố nêu trên đối với khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" được tóm tắt như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được trình bày trước đây: 28.182.853.286 đồng

Ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố:

Hoàn nhập dự phòng quỹ lương: 38.594.473.179 đồng

Thuế TNDN hoãn lại phải trả: (6.843.894.636) đồng

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau điều chỉnh hồi tố: 59.933.431.829 đồng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được trình bày trước đây: 43.553.911.012 đồng

Ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố:

Hoàn nhập dự phòng quỹ lương: 31.000.000.000 đồng

Thuế TNDN hoãn lại phải trả: (5.450.000.000) đồng

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau điều chỉnh hồi tố: 69.103.911.012 đồng

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh này đến báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2018 được trình bày như sau:

Đơn vị tính: đồng

	Số liệu theo báo cáo trước đây	Ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố	Số liệu sau điều chỉnh tại BCTC hợp nhất kiểm toán 2018
Bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31/12/2017			
Nợ ngắn hạn			
Phải trả người lao động	76.150.285.188	(27.000.000.000)	49.150.285.188
Chi phí phải trả ngắn hạn	11.102.143.874	(4.000.000.000)	7.102.143.874
Phải trả dài hạn			
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	6.008.411.573	5.450.000.000	11.458.411.573
Vốn chủ sở hữu			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	43.553.911.012	25.550.000.000	69.103.911.012
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017			
Chi phí quản lý doanh nghiệp	134.235.593.489	7.594.473.179	141.830.066.668
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	82.405.425.651	(7.594.473.179)	74.810.952.472
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(318.103.019)	(1.393.894.636)	(1.711.997.655)

Lợi nhuận sau thuế TNDN	64.780.001.655	(6.200.578.543)	58.579.423.112
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	65.699.369.489	(6.200.578.543)	59.498.790.946
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.237	(697)	3.540
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.237	(697)	3.540

Bảng 12: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của GMC (Công ty mẹ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm	9 tháng/2019
Tổng giá trị tài sản	902.938	1.015.309	12,45%	917.035
Doanh thu thuần	1.520.030	1.985.468	30,62%	1.322.039
Lợi nhuận từ HĐKD	49.026	102.907	109,90%	107.971
Lợi nhuận khác	12.823	2.342	(81,74%)	978
Lợi nhuận trước thuế	61.849	105.249	70,17%	108.949
Lợi nhuận sau thuế	48.763	85.206	74,73%	87.781
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	95,40	54,60	(42,77%)	-

Nguồn: BCTC Riêng kiểm toán 2017, 2018 và BCTC Riêng quý III/2019

Năm 2018, tổng tài sản Công ty mẹ đạt 1.015 tỷ đồng, tăng 12,45% so với cùng kỳ năm trước. Về kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu doanh thu thuần tăng hơn 30,62% so với năm ngoái và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 102,9 tỷ đồng, tăng gấp đôi so với năm ngoái. Lợi nhuận trước và sau thuế của Công ty mẹ năm 2018 tăng mạnh so với năm 2017 lần lượt là 70,17% và 74,73%. Lợi nhuận trước và sau thuế của Công ty mẹ năm 2018 lần lượt đạt 105,2 tỷ đồng và 85,2 tỷ đồng.

- **Điều chỉnh hồi tố sai sót số liệu của BCTC kiểm toán năm 2017 tại BCTC riêng năm 2018**

Trong năm 2018, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều chỉnh hồi tố các sai sót đối với một số khoản mục sau đây nhằm phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính riêng và kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong các năm trước của Công ty:

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Trong năm 2018, Công ty đã đánh giá lại khả năng thu hồi của các khoản phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2017 theo các quy định kế toán hiện hành áp dụng tại thời điểm đó.

Theo đó, Công ty đã trích lập bổ sung dự phòng các khoản phải thu khó đòi bằng cách ghi tăng khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp" cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và ghi tăng khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" vào ngày 31/12/2017 với số tiền là 8.879.087.570 đồng; theo đó khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" vào ngày 31/12/2017 cũng giảm một khoản tương ứng cùng giá trị.

Phải trả người lao động

Trong năm 2018, Ban Tổng Giám đốc đã hoàn nhập dự phòng quỹ lương cho người lao động theo các quy định về thuế nhưng không thỏa điều kiện của nghĩa vụ phải trả theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Theo đó, Công ty đã ghi tăng khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" và ghi giảm khoản mục "Phải trả người lao động" vào ngày 31/12/2016 và ngày 31/12/2017 với số tiền lần lượt là 26.594.473.179 đồng và 21.000.000.000 đồng; và ghi tăng khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp" cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 với số tiền là 5.594.473.179 đồng.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng đã ghi nhận khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả do ảnh hưởng của hai vấn đề nêu trên theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 17 - Thuế Thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, Công ty đã ghi giảm khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" và ghi tăng khoản mục "Thuế thu nhập hoãn lại phải trả" vào ngày 31/12/2016 và ngày 31/12/2017 với cùng số tiền lần lượt là 5.318.894.636 đồng và 2.424.182.486 đồng; và ghi tăng khoản mục "Thu nhập thuế TNDN hoãn lại" cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 với số tiền là 2.894.712.150 đồng.

Ảnh hưởng của các khoản mục được điều chỉnh hồi tố nêu trên đối với khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" được tóm tắt như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được trình bày trước đây: 30.771.302.373 đồng

Ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố:

Hoàn nhập dự phòng quỹ lương: 26.594.473.179 đồng

Thuế TNDN hoãn lại phải trả: (5.318.894.636) đồng

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau điều chỉnh hồi tố: 52.046.880.916 đồng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được trình bày trước đây: 40.785.295.668 đồng

Ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố:

Trích dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (8.879.087.570) đồng

Hoàn nhập dự phòng quỹ lương: 21.000.000.000 đồng

Thuế TNDN hoãn lại phải trả: (2.424.182.486) đồng

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau điều chỉnh hồi tố: 50.482.025.612 đồng

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh này đến báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày như sau:

Đơn vị tính: đồng

Số liệu theo báo cáo trước đây	Ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố	Số liệu sau điều chỉnh tại BCTC riêng kiểm toán 2018
--------------------------------	---------------------------------	--

Bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tài sản ngắn hạn			
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(8.879.087.570)	(8.879.087.570)
Nợ ngắn hạn			
Phải trả người lao động	52.270.719.469	(21.000.000.000)	31.270.719.469
Nợ dài hạn			
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	2.424.182.486	2.424.182.486
Vốn chủ sở hữu			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	40.785.295.668	9.696.729.944	50.482.025.612
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017			
Chi phí quản lý doanh nghiệp	99.640.426.004	14.473.560.749	114.113.986.753
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	76.322.129.370	(14.473.560.749)	61.848.568.621
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-	(2.894.712.150)	2.894.712.150)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60.342.305.058	(11.578.848.599)	48.763.456.459

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo:

Thuận lợi:

- Tình hình khách hàng ổn định;
- Chính sách rõ ràng, linh hoạt;
- Thị trường tiềm năng;
- Nguồn lao động có tay nghề, có kinh nghiệm trong tổ chức sản xuất và quản lý theo phương thức kinh doanh FOB;
- Các đơn hàng may mặc của Trung Quốc chuyển dịch vào Việt Nam nhờ lợi thế chi phí nhân công thấp và chiến tranh thương mại giữa Mỹ - Trung Quốc.

Khó khăn:

- Phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ các thị trường bên ngoài (Trung Quốc, v.v...)
- Sức ép cạnh tranh từ dòng vốn FDI chuyển dịch về Việt Nam để tận dụng lợi thế của FTAs
- Cạnh tranh gay gắt với các mặt hàng dệt may Trung Quốc và các nước khu vực như Bangladesh, Pakistan, Ấn Độ...
- Chi phí lao động có xu hướng gia tăng trong tương lai khi lương cơ bản tăng và luật bảo hiểm xã hội về cách tính bảo hiểm tăng. Theo quyết định của Hội đồng tiền lương quốc gia thì đến 2020, chi phí liên quan đến lương cơ bản theo lộ trình sẽ tăng 5,5%.
- Công nghệ ngành dệt may có xu hướng thay đổi nhanh.

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của công ty trong ngành

Hơn 40 năm kinh nghiệm trong ngành dệt may, Garmex Sài Gòn tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những công ty đầu ngành với nhiều lợi thế, từ lao động có tay nghề đến thị trường và nguồn khách hàng ổn định.

Trong nhiều năm hoạt động kinh doanh, Công ty đã từng bước thay đổi và phát triển để phù hợp với từng thời kỳ kinh tế khác nhau. Trước đây, hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu là gia công cho một số khách hàng trung gian, do đó phụ thuộc rất lớn vào khách hàng. Năm 2004, Công ty thực hiện cổ phần hóa và từng bước chuyển sang phương thức kinh doanh "mua nguyên liệu, bán thành phẩm". Với quá trình hơn 10 năm thực hiện phương thức này, Công ty đã có được một đội ngũ cán bộ kinh doanh, kỹ thuật, nghiệp vụ và sản xuất chuyên nghiệp có khả năng đáp ứng toàn diện yêu cầu của khách hàng từ thiết kế, phát triển mẫu, chào nguyên phụ liệu sản xuất đến thương thuyết giá cập nhật theo mặt bằng giá quốc tế và sản xuất giao hàng đúng hạn, thanh toán phù hợp thông lệ quốc tế. Phương thức kinh doanh này phù hợp yêu cầu Chuỗi sản xuất - cung ứng toàn cầu của các khách hàng đẳng cấp nên tạo điều kiện giúp thị trường của Công ty ngày càng được mở rộng, doanh thu và lợi nhuận từ năng lực lõi tăng trưởng bền vững. Từ giữa năm 2011, trước tình hình thị trường xuất khẩu diễn biến phức tạp và khó lường, Công ty đã điều chỉnh cơ cấu kinh doanh sang hợp tác phát triển thị trường nội địa trên cơ sở phát huy lợi thế nhân lực của GMC. Trong những năm gần đây, hội nhập kinh tế ngày càng phát triển cùng với các Hiệp ước quốc tế đã hỗ trợ cho ngành dệt may xuất khẩu ra nhiều quốc gia khác. Tận dụng cơ hội trên, Công ty đã thay đổi mục tiêu kinh doanh là 100% năng lực phát triển thị trường xuất khẩu dựa trên cơ sở lao động có chuyên môn, sản phẩm chất lượng và giá cả hợp lý. Khách hàng chủ yếu hiện nay của GMC đến từ Hoa Kỳ, Châu Âu và Nhật Bản.

Nhờ vào thị trường tiềm năng và khách hàng ổn định, nên tốc độ tăng trưởng doanh thu trung bình mười năm qua là 19,14% đồng thời Công ty cũng tạo được vị thế trong hệ thống tín dụng trong nước. Với hơn 98% doanh thu là xuất khẩu nên hạn mức tín dụng vay bằng ngoại tệ của GMC luôn dồi dào, ổn định với ưu đãi về lãi suất và dịch vụ.

Tại GMC, nguồn nhân lực con người luôn được xem là yếu tố trọng tâm, là vốn quý nên các chính sách lao động luôn được chú trọng, đảm bảo "người lao động có thể sống bằng đồng lương của mình". Thu nhập của người lao động trong Công ty ngày càng tăng. Từ mức thu nhập trung bình 1,2 triệu đồng/người/tháng từ năm 2004 khi cổ phần hóa, đến nay mức thu nhập bình quân của GMC đã 11 triệu đồng/người/tháng. Ngoài ra, người lao động còn được hưởng trợ cấp, phụ cấp khác theo quy định của Công ty. Nhờ chính sách lao động phù hợp, GMC đã tạo được lòng tin và trung thành của người lao động đối với Công ty. Với lợi thế là nguồn lao động lành nghề và ổn định, GMC luôn tạo được uy tín với khách hàng trong nhiều năm; từ đó duy trì ổn định đơn hàng và mở rộng thêm quy mô kinh doanh.

9.2. Triển vọng và đánh giá sự phù hợp, phát triển của ngành

Hiện tại, ngành dệt may Việt Nam vẫn chủ yếu hoạt động ở khâu may sản xuất, trong đó chủ yếu là gia công cho các thương hiệu và nhà phân phối trên thế giới. Muốn thâm nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu thì các doanh nghiệp cần phải bắt đầu sản xuất dưới dạng FOB, ODM. Tuy nhiên trong phân khúc May thì ngành may mặc Việt Nam có triển vọng tăng trưởng khả quan và đồng thời vẫn là ngành xuất khẩu chủ lực của nước ta trong thời gian sắp tới.

Thứ nhất, Tuy thực tế lợi thế cạnh tranh nhân công giá rẻ tại Việt Nam đang suy yếu dần và các doanh nghiệp Việt Nam cũng đang chịu áp lực cạnh tranh lớn từ Cambodia, Myanmar, Bangladesh, Ấn Độ. Nhưng

tiêu chuẩn chất lượng, môi trường lao động ở các địa bàn mới như Bangladesh, Ấn Độ chưa đạt quy mô như nhà đầu tư kỳ vọng, nên tình hình các đơn hàng vào Việt Nam năm 2019 vẫn rất khả quan. Căn cứ nhận định trên Hiệp hội Dệt May Việt Nam đã dự báo kim ngạch xuất khẩu kế hoạch đạt 40 tỷ USD, tăng trưởng 10,8% so với năm 2018.

Thứ hai, ngành dệt may có nhiều cơ hội, triển vọng phát triển và mở rộng thị trường do có hiệu ứng của các Hiệp định thương mại tự do.

Về tiềm năng của CPTPP, các chuyên gia của Hiệp hội Dệt may Việt Nam cho rằng, mặc dù Việt Nam chưa ký Hiệp định FTA với 3 quốc gia là Mexico, Peru và Canada song thị trường tiêu dùng lớn như Canada và Australia vẫn có tiềm năng để dệt may Việt Nam tận dụng tăng trưởng, với giá trị xuất khẩu hàng dệt may đạt 10 tỷ USD mỗi quốc gia. Đối với các nước còn lại, Việt Nam đã ký Hiệp định FTA, CPTPP vẫn có thể phát huy lợi ích. Điều này xuất phát từ ưu điểm CPTPP có cơ chế linh hoạt hơn như có ít các yêu cầu về nguồn gốc xuất xứ. Mặc dù CPTPP áp dụng quy định về nguồn gốc sợi, một số sản phẩm cụ thể sử dụng nguyên liệu nhập khẩu từ các nước ngoài CPTPP vẫn có thể hưởng mức thuế ưu đãi (187 loại vải và sợi không có trong các nước CPTPP có thể được nhập khẩu từ nước khác để dùng cho sản xuất hàng may mặc).

Ngoài ra, một trong những nội dung quan trọng của CPTPP là xóa bỏ từ 95 - 98% các dòng thuế quan ngay khi hiệp định chính thức có hiệu lực, các dòng thuế còn lại sẽ được cắt giảm theo lộ trình 5 - 7 năm. Đây được xem là yếu tố tác động tích cực đến sự phát triển và kim ngạch xuất khẩu của dệt may.

Triển vọng về việc ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA): EVFTA là một yếu tố quan trọng để thúc đẩy quan hệ thương mại Việt Nam - EU, giúp mở rộng hơn nữa thị trường cho hàng xuất khẩu, đặc biệt là những sản phẩm mà Việt Nam có thế mạnh như may mặc. Theo hiệp định, hai bên sẽ xóa bỏ hơn 99% số dòng thuế nhập khẩu theo nguyên tắc 7/10 (EU sẽ xóa bỏ toàn bộ thuế nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam tối đa trong 7 năm theo các lộ trình xóa bỏ ngay, xóa bỏ sau 3 năm, sau 5 năm và 7 năm. Việt Nam sẽ xóa bỏ hoàn toàn sau 10 năm với các lộ trình xóa bỏ ngay, xóa bỏ sau 3 năm, sau 5 năm, sau 7 năm và sau 10 năm). Với một số dòng thuế còn lại, hai bên sẽ áp dụng hạn ngạch thuế quan hoặc cắt giảm thuế quan một phần. Đây có thể coi là những ưu đãi về thuế cao nhất mà Việt Nam đạt được trong các Hiệp định FTA đã được ký kết từ trước tới nay. Do đó, triển vọng mở rộng thị trường xuất khẩu của các doanh nghiệp may mặc Việt Nam trong thời gian tới rất khả quan.

Thứ ba, Trong những năm qua ngành dệt may Việt Nam vẫn nhận được khá nhiều sự quan tâm và đánh giá cao về triển vọng phát triển do dệt may là một trong số ít ngành luôn giữ được tăng trưởng dương và ổn định. Theo Thống kê Hải quan, năm 2018 kim ngạch xuất khẩu của ngành dệt may Việt Nam đạt hơn 30,49 tỷ USD, đứng vị trí thứ hai tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước. Tốc độ tăng trưởng luôn giữ ở mức cao, kim ngạch xuất khẩu trung bình trong 5 năm gần đây là 7,79% CAGR.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Số lượng và cơ cấu người lao động trong Công ty

Bảng 12: Cơ cấu lao động của GMC

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ lao động	4.118	100
- Đại học và trên Đại học	170	4,13
- Cao đẳng	200	4,86
- Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	500	12,14
- Phổ thông	3.248	78,87
Theo hợp đồng lao động	4.118	100
- Toàn thời gian	4.118	100
- Bán thời gian	-	-
Theo giới tính	4.118	100
- Nam	1.062	25,79
- Nữ	3.056	74,21

Nguồn: GMC

10.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

❖ Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Đào tạo để phát triển là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chính sách nhân sự của Công ty. Tại Garmex Sài Gòn, mỗi vị trí sẽ có tiêu chuẩn đào tạo riêng. Cụ thể: Công nhân sản xuất được chú trọng đào tạo kỹ năng sản xuất, nhân viên nghiệp vụ được đào tạo các kỹ năng nghiệp vụ liên quan, cấp tổ trưởng được chú trọng đào tạo nâng cao khả năng, năng lực quản lý tùy vào cấp độ quản lý liên quan. Mỗi vị trí có tiêu chuẩn riêng nhưng đều trên một nền tảng chung là giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và tâm huyết với công việc.

Niềm tự hào của Garmex Sài Gòn là ứng dụng hiệu quả mô hình LEAN 5S. Vì vậy, mỗi cá nhân của đại gia đình Garmex Sài Gòn đều phải hiểu và tuân thủ đúng mô hình hoạt động vì một mục tiêu chung là sự phát triển bền vững của Công ty. Trong năm Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ, tập huấn chuyên môn, tạo điều kiện cho người lao động hiểu thêm về mô hình hoạt động của Công ty - mô hình LEAN 5S, giúp người lao động mới làm quen với guồng máy lao động nhanh hơn, giúp người lao động cũ có cơ hội rèn luyện, thực hành theo đúng tinh thần của mô hình 5S.

Tổng Số giờ đào tạo người lao động tại Công ty trong năm 2018, đạt tổng cộng 66.848 giờ, với 4.178 người lao động tại Công ty, số giờ đào tạo bình quân là 16 giờ trên mỗi người lao động. Công ty còn cử nhân viên nghiệp vụ tham gia các khóa đào tạo bên ngoài để nâng cao kỹ năng làm việc đáp ứng với điều kiện mới.

❖ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Các chính sách Lương, thưởng và chế độ đãi ngộ, trợ cấp... cho người lao động luôn được xem xét và giải quyết thỏa đáng.

Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cho cán bộ công nhân viên được tổ chức công bằng, thực hiện phân

chia thu nhập theo năng lực công tác, đảm bảo mức thu nhập cho người lao động yên tâm công tác.

Đối với khối gián tiếp văn phòng: Công ty đang từng bước hoàn thiện mô hình trả lương 3P (Position – Person – Performance) đây là giải pháp quan trọng để tăng năng suất lao động của từng cá nhân, đồng thời động viên khuyến khích người lao động trong việc thực thi trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ. Từ đó tạo ý thức tự giác nâng cao kỹ năng làm việc, sáng tạo đưa ra ý tưởng rút ngắn quy trình sản xuất, tạo thêm nhiều giá trị gia tăng.

Đối với khối trực tiếp sản xuất công ty áp dụng mô hình Lean 5S với mục đích rút ngắn thời gian làm việc tăng năng suất lao động nhưng vẫn đảm bảo lương và thu nhập cho người lao động.

Tất cả cán bộ công nhân viên đều được đóng bảo hiểm xã hội (BH y tế, BH xã hội, BH thất nghiệp) theo quy định và đảm bảo các quyền lợi theo Bộ Luật lao động, Công ty luôn cam kết bảo đảm đầy đủ các quyền lợi về tinh thần, vật chất cho người lao động theo quy định của Pháp luật và thỏa ước lao động tập thể. Hàng năm Công ty chi thêm trên 446 triệu đồng để mua bảo hiểm tai nạn và chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

11. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành chi trả cổ tức cho cổ đông theo kết quả kinh doanh sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động của năm liền kề theo đề xuất của Hội đồng quản trị.

Bảng 13: Chính sách cổ tức

STT	Năm	Tỷ lệ	Ghi chú
1	2016	30%	Tiền mặt
2	2017	30%	Tiền mặt
3	2018	30%	15% Tiền mặt + 15% Cổ phiếu
4	2019	20% ~ 30%	Tỷ lệ dự kiến

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017, 2018 và 2019

12. Tình hình tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

a. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

❖ Báo cáo về Vốn điều lệ

Bảng 11: Vốn điều lệ qua các năm

STT	Giấy ĐKKD	Ngày cấp	Vốn điều lệ (VNĐ)
1	GCN ĐKKD đăng ký lần đầu số: 4103002036	07/01/2004	22.750.000.000
2	GCN ĐKKD thay đổi lần 5 số: 4103002036	17/10/2007	46.694.970.000
3	GCN ĐKKD thay đổi lần 6 số: 4103002036	03/07/2009	88.685.710.000
4	GCN ĐKKD thay đổi lần 10 số: 0300742387	12/03/2013	106.324.310.000
5	GCN ĐKKD thay đổi lần 12 số: 0300742387	13/08/2014	116.903.300.000
6	GCN ĐKKD thay đổi lần 13 số: 0300742387	19/12/2016	155.556.200.000
7	GCN ĐKKD thay đổi lần 16 số: 0300742387	18/07/2019	178.809.280.000

Nguồn: GMC

Từ khi thành lập đến nay, GMC đã trải qua 06 lần thay đổi vốn điều lệ. Vốn điều lệ được Công ty sử dụng bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

❖ Báo cáo tình hình vốn kinh doanh

Bảng 12: Vốn kinh doanh qua các năm (Hợp nhất):

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	155.556.200.000	155.556.200.000	178.809.280.000
Thặng dư vốn cổ phần	28.314.942.370	28.314.942.370	28.314.942.370
Quỹ đầu tư phát triển	67.859.802.989	67.859.802.989	67.859.802.989
LNST chưa phân phối	69.103.911.012	130.680.090.336	175.691.641.330
Tổng cộng	320.834.856.371	382.411.035.695	450.675.666.689

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2017, 2018 và BCTC Hợp nhất quý III/2019

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty được lấy từ nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối. Hiện chỉ đáp ứng gần 10% nhu cầu vốn lưu động, đa phần phụ thuộc vào tín dụng.

b. Trích khấu hao TSCĐ:

Công ty trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao áp dụng cho các loại tài sản tại Công ty như sau:

Bảng 13: Thời gian khấu hao Tài sản cố định

Nhóm tài sản cố định	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
Máy móc thiết bị	03 – 08 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 08 năm

Nguồn: GMC

c. Mức lương bình quân:

Mức lương bình quân người lao động GMC được trả như sau:

Bảng 14: Mức lương bình quân

2017	2018
9.314.910 đồng/người/tháng	11.177.892 đồng/người/tháng

Nguồn: GMC

d. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay đến hạn.

e. Các khoản phải nộp theo luật định:

Bảng 15: Các khoản thuế phải nộp

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Thuế GTGT đầu ra	1.577.787.766	1.003.993.167	513.888.636
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.553.554.374	28.538.169.696	6.064.966.027
Thuế thu nhập cá nhân	2.834.711.041	3.805.300.452	150.665.844
Thuế nhà thầu	74.975.020	21.934.442	18.976.084
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	(465.230.251)
Thuế khác	-	-	-
Tổng cộng	13.041.028.201	33.369.397.757	6.283.266.340

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2017, 2018 và BCTC Hợp nhất quý III/2019

Công ty luôn thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế như thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên và các khoản phải nộp khác theo đúng quy định của Nhà nước và cơ quan thuế. Công ty thực hiện việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho CB CNV đầy đủ theo luật định. Các loại thuế khác Công ty đã kê khai và nộp thuế theo đúng quy định hiện hành.

f. Trích lập các quỹ theo luật định:

Công ty tiến hành trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Tỷ lệ trích lập các Quỹ sẽ do Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm. Tình hình số dư các quỹ vào cuối năm 2017, năm 2018, và đến 30/06/2019 như sau:

Bảng 16: Số dư các quỹ

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
1	Quỹ đầu tư phát triển	67.859.802.989	67.859.802.989	67.859.802.989
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	16.967.850.415	5.466.837.861	4.187.667.170

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2017, 2018 và BCTC Hợp nhất quý III/2019

g. Tổng dư nợ vay:

Bảng 17: Chi tiết nợ vay

Đơn vị: đồng

Chi tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
I. Vay và nợ vay ngắn hạn			
+ Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	1.268.475.208	37.983.546.599	31.003.159.658
+ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	264.204.546.460	279.808.369.259	140.834.318.731
+ Ngân hàng First Commercial - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	50.827.073.515	2.647.427.732	-
II. Vay và nợ vay dài hạn			
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh	35.589.500.000	17.909.500.000	-
Tổng nợ vay	351.889.595.183	338.348.843.590	171.837.478.389

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2017, 2018 và BCTC Hợp nhất quý III/2019

Công ty chủ yếu sử dụng nguồn vốn tự có hoặc vay để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Lãi vay được ghi nhận đầy đủ vào chi phí tài chính theo quy định. Công ty luôn trả nợ đúng hạn và cho đến nay không phát sinh bất kỳ khoản nợ quá hạn nào.

h. Tình hình công nợ hiện nay:

Bảng 18: Công nợ phải thu ngắn hạn

Đơn vị: đồng

Chi tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Phải thu của khách hàng	227.709.840.659	324.616.363.713	263.311.081.923
Trả trước cho người bán	11.680.276.669	2.223.854.503	8.141.808.532
Các khoản phải thu khác	3.046.169.704	1.278.816.774	441.475.765
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(637.095.053)	(487.180.566)
Tổng cộng	242.436.287.032	327.481.939.937	271.407.185.654

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2017, 2018 và BCTC Hợp nhất quý III/2019

Bảng 19: Công nợ phải thu dài hạn

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Phải thu của khách hàng	8.495.818.565	-	-
Các khoản phải thu khác	293.511.750	299.727.750	187.515.000
Tổng cộng	8.789.330.315	299.727.750	187.515.000

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2017, 2018 và BCTC Hợp nhất quý III/2019

Các khoản phải thu ngắn hạn chủ yếu tập trung vào các khoản phải thu của khách hàng. Các khoản phải thu dài hạn chủ yếu đến từ ký quỹ, ký cược dài hạn. Đến nay Công ty không có các khoản phải thu khó đòi.

Bảng 19: Công nợ phải trả

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Nợ ngắn hạn	540.955.716.344	609.380.925.609	457.612.347.452
Phải trả người bán	121.844.190.732	145.636.162.497	144.012.776.628
Người mua trả tiền trước	2.222.401.090	7.395.887.475	437.169.013
Thuế và các khoản phải nộp NN	13.041.028.201	33.369.397.757	6.748.496.591
Phải trả người lao động	49.150.285.188	71.818.079.424	112.463.192.731
Chi phí phải trả	7.102.143.874	8.542.236.183	5.922.403.229
Phải trả ngắn hạn khác	14.327.721.661	12.498.980.822	12.003.163.701
Vay và nợ thuê tài chính	316.300.095.183	324.653.343.590	171.837.478.389
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.967.850.415	5.466.837.861	4.187.667.170
Nợ dài hạn	47.047.911.573	20.695.500.000	7.034.831.513
Vay và nợ thuê tài chính	35.589.500.000	13.695.500.000	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	11.458.411.573	-	1.090.760.765
Dự phòng phải trả dài hạn	-	7.000.000.000	5.944.070.748
Tổng cộng	588.003.627.917	630.076.425.609	464.647.178.965

Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán 2017, 2018 và BCTC Hợp nhất quý III/2019

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,21	1,28
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,72	0,80
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	64,74	62,34
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	183,59	165,55
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,44	6,00
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	Vòng	1,79	2,13
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,65	5,91
+ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	19,57	34,36
+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	6,54	12,55
+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,86	6,81
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VNĐ/CP	3.540	7.799

Về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh năm 2018 lần lượt đạt 1,28 lần và 0,80 lần, tăng nhẹ so với năm 2017. Nhóm các chỉ số thể hiện khả năng thanh toán các khoản nợ khi đến hạn trả nợ của Công ty duy trì xu hướng tăng trong 03 năm liên tiếp từ 2016 - 2018. Công ty luôn đảm bảo tính thanh khoản cân bằng giữa tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn.

Về cơ cấu vốn

Hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu năm 2018 lần lượt đạt 62,34% và 165,55%, đều giảm so với năm 2017. Hệ số cơ cấu vốn cho thấy hoạt động của Công ty đang được tài trợ chủ yếu bằng nợ. Các khoản nợ vay của Công ty chủ yếu là vay ngắn hạn, tài trợ cho hoạt động mua nguyên liệu vải và phụ kiện may mặc. Do Công ty có hoạt động xuất khẩu gần như 100% nên Công ty nhận được lãi suất vay khá ưu đãi so với các doanh nghiệp cùng ngành. Việc nhận ưu đãi lãi suất góp phần giúp Công ty tận dụng hiệu quả vốn vay, tính đến hiện tại Công ty luôn trả nợ đúng hạn, không phát sinh bất kỳ khoản nợ quá hạn nào.

Về năng lực hoạt động

Về năng lực hoạt động, vòng quay hàng tồn kho tăng từ 5,44 vòng năm 2017 lên 6,00 vòng năm 2018 cho thấy tốc độ bán hàng của Công ty tăng và số lượng hàng tồn kho bị ứ đọng giảm. Vòng quay Tổng tài sản

tăng từ 1,79 vòng năm 2017 lên 2,13 vòng năm 2018 cho thấy khả năng khai thác và sử dụng tài sản của Công ty hiệu quả hơn so với năm 2017.

Về khả năng sinh lời

Trong bối cảnh thuận lợi của ngành dệt may, các chỉ số khả năng sinh lời thể hiện hiệu quả sản xuất kinh doanh và hiệu năng quản lý doanh nghiệp của Công ty tăng gần gấp đôi so với năm 2017. Cụ thể, chỉ số LNST/DTT, LNST/VCSH BQ, LNST/TTS BQ và LN HĐKD/DTT lần lượt đạt 5,91%, 34,36%, 12,55% và 6,81%.

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**13.1. Hội đồng quản trị**

STT	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHỨC VỤ
1	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT
3	Ông Lê Hùng	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT
5	Ông Lâm Từ Thanh	Thành viên HĐQT
6	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT
7	Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT

1. Ông Bùi Tuấn Ngọc

- Số CMND/Hộ chiếu: 001065013640 Cấp ngày: 15/06/2018 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Ngày sinh: 21/02/1965
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân, chuyên ngành Xây dựng, Ngoại Thương
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1988 – 1992 Cán bộ tại Xí Nghiệp XD CB SEAPRODEX- Bộ Thủy Sản
 - + Từ 1992 – 1993 Cán bộ tại liên hiệp DVSXTM TP. Hồ Chí Minh
 - + Từ 1993 – 1994 Cán bộ tại TTTMLD Việt – Xô TP.HC (ROSVIETIMPEX)
 - + Từ T4/2008 – nay Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Transimex
 - + Từ 2009 – nay Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt
 - + Từ 2012 – nay Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần In Và Thương mại Vina
 - + Từ T7/2016 – nay Phó Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Transimex (TMS);
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt;
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần In và Thương mại Vina (VPR);
 - + Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CLX);
 - + Chủ tịch HĐQT Công Ty Cổ phần Đầu tư Vina;
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành:
 - + Đại diện sở hữu: Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt: 836.130 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 4,68% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu: Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải: 2.827.222 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 15,81% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của những người liên quan:
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt : 836.130 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 4,68% vốn điều lệ;
 - + Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải: 2.827.222 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 15,81% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu ở Công ty khác (tính đến 30/06/2019):
 - + Công ty Cổ phần Transimex: 279.978 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,59% vốn điều lệ

2. Ông Bùi Minh Tuấn

- Số CMND: E4101434 Cấp ngày: 21/03/2013 Nơi cấp: Australia
- Ngày sinh: 28/02/1971
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Australia
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân, chuyên ngành Tài Chính Ngân Hàng
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2002 - 2013 Giám đốc tại Công ty TNHH Đầu tư Đất Mới
 - + Từ 2007 - nay Giám đốc Công ty Cổ phần In và Thương mại Vina
 - + Từ 2013 - nay Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Transimex
 - + Từ T7/2016 - nay Thành viên HĐQT tại Công ty Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn
 - + Từ T5/2017 - nay Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần In và Thương mại Vina
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
 - + Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Vina;
 - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Transimex (TMS);
 - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CLX);
 - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần In và Thương mại Vina (VPR);
 - + Chủ Tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư T.T.A.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành:
 - + Đại diện sở hữu: Công ty Cổ phần Đầu tư T.TA : 2.707.491 cổ phần, chiếm 15,14% Vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu ở Công ty khác (tính đến 30/06/2019):
 - + Công ty Cổ phần Transimex: 5.967.644 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 12,56% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của những người liên quan:
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư T.TA: 2.707.491 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 15.14% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

3. Ông Lê Hùng

- Số CMND: 212001232 Cấp ngày: 15/12/2007 Nơi cấp: Quảng Ngãi
- Ngày sinh: 24/08/1974
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Đại học, Chuyên ngành Quản Trị Kinh Doanh
- Quá trình công tác:
 - + Từ 5/2010 – 4/2011 Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh.
 - + Từ 4/2011 – nay Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
 - + Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định
 - + Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh
 - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu Legamex
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành:
 - + Đại diện sở hữu: Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định: 899.522 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 5,03% Vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % Vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu ở Công ty khác (tính đến 30/06/2019):
 - + Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh: 2.803.669 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 12,15% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của những người liên quan:
 - + Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định: 899.522 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 5,03% Vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

4. Ông Nguyễn Việt Cường

- Số CMND: 022777378 Cấp ngày: 25/11/2008 Nơi cấp: CA.TP HCM
- Ngày sinh: 27/10/1976
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Đại học, chuyên ngành Cử Nhân Kinh tế - Chuyên viên Kế toán, kiểm toán.
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1998 - 2002 Kiểm toán viên cao cấp tại Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế KPMG
 - + Từ 2003 - 2004 Trưởng phòng Kế toán Quản Trị tại Công ty TNHH Unilever Bestfoods Vietnam
 - + Từ 2004 - 2006 Giám đốc Đầu tư tại Công ty VinaCapital Investment Management Ltd
 - + Từ 2006 - 2012 Phó Giám đốc Điều hành tại Công ty VinaCapital Corporate Finance VN Co.,Ltd
 - + Từ 2012 - nay Giám đốc Điều hành – Thành viên Hội đồng quản trị tại Công ty Cổ phần SXKD Xuất nhập khẩu Bình Thạnh
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
 - + Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định
 - + Thành viên HĐQT – Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh
 - + Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu Legamex
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành:
 - + Đại diện sở hữu: Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định: 899.520 cổ phần, chiếm 5,03% Vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu ở Công ty khác (tính đến 30/06/2019):
 - + Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh: 370.477 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 1,61% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của những người liên quan:
 - + Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định: 899.520 cổ phần, chiếm 5,03% Vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

5. Ông Lâm Tử Thanh

- Số CMND: 021841229 Cấp ngày: 01/12/2014 Nơi cấp: TP HCM
- Ngày sinh: 31/05/1958
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân, chuyên ngành Tài Chính Ngân Hàng
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1992 – nay Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Á Châu
 - + Từ 1995 – nay Giám đốc Công ty TNHH Tân Á
 - + Từ 5/2009 – nay Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
 - + Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Á Châu
 - + Giám đốc Công ty TNHH Tân Á
 - + Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn (NSG)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành:
 - + Đại diện sở hữu: Công ty TNHH Tân Á: 502.331 cổ phần, chiếm 2,81% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu: Công ty TNHH Thương mại Á Châu: 502.331 cổ phần, chiếm 2,81% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 940.596 cổ phần, chiếm 5,26% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu ở Công ty khác: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của những người liên quan:
 - + Công ty TNHH Tân Á: 502.331 cổ phần, chiếm 2,81% vốn điều lệ
 - + Công ty TNHH Thương mại Á Châu: 502.331 cổ phần, chiếm 2,81% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

6. Bà Nguyễn Thị Thu Hương

- Số CMND: 022748227 Cấp ngày: 14/01/2008 Nơi cấp: TP HCM
- Ngày sinh: 12/01/1965
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế (Ngành Quản trị)
- Quá trình công tác:
 - + Từ 01/1987 – 07/1987 Công nhân may Xí nghiệp May Sài Gòn 1
 - + Từ 08/1987 – 03/1993 Bí thư Đoàn TN chuyên trách XN May Sài Gòn 1 kiêm Phó Bí thư Đoàn TN Công ty SX – XNK May Sài Gòn
 - + Từ 04/1993 – 04/2000 Bí thư Đoàn TN kiêm Phó Quản đốc Xí nghiệp May Garmex 1
 - + Từ 05/2000 – 03/2002 Phó phòng TCHC Xí nghiệp May Garmex 1
 - + Từ 03/2002 – 12/2003 Trưởng phòng TCHC Xí nghiệp May Garmex 1
 - + Từ 01/2004 – 04/2009 Trưởng phòng TCHC Xí nghiệp May Garmex An Nhơn.
 - + Từ 05/2009 – 05/2010 Ủy viên thường vụ Đảng ủy, Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nội chính kiêm Trưởng phòng TCHC Công ty
 - + Từ 06/2010 – nay Bí thư Đảng ủy, Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty, thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Sản xuất
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
 - + Chủ tịch Công ty TNHH May Tân Mỹ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 45.183 cổ phần, chiếm 0,25% Vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu ở Công ty khác: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

7. Bà Nguyễn Minh Hằng

- Số CMND: 023063803 Cấp ngày: 20/04/2000 Nơi cấp: TP HCM
- Ngày sinh: 18/06/1977
- Nơi sinh: Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - + Từ 01/1999 – 01/2004 Nhân viên Kế toán Công ty SX – XNK May Sài Gòn
 - + Từ 01/2004 – 12/2006 Nhân viên Kế toán Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
 - + Từ 01/2007 – 02/2008 Phó phòng Kế toán thống kê Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
 - + Từ 03/2008 – 05/2009 Trưởng phòng Kế toán thống kê Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
 - + Từ 06/2009 - 03/2014 Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
 - + Từ 04/2014 - 02/2015 Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng – Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
 - + Từ 03/2015 - 07/2018 Đảng Ủy viên, Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
 - + Từ 01/2018 - nay Đảng Ủy viên, Thành viên HĐQT, Giám đốc Tài chính, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng Quản Trị, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
 - + Chủ tịch, Tổng Giám đốc công ty TNHH Garmex Quảng Nam
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 18.479 cổ phần, chiếm 0,1 % Vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu ở Công ty khác: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

13.2. Ban kiểm soát

STT	BAN KIỂM SOÁT	Chức vụ
1	Bà Phan Thị Phương	Trưởng ban kiểm soát
2	Bà Lê Thị Chín	Thành viên
3	Ông Từ Vĩ Trí	Thành viên

1. Bà Phan Thị Phương

- Số CMND: 048169000150 Cấp ngày: 01/10/2018 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Ngày sinh: 08/03/1969
- Nơi sinh: Quảng Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ, Chuyên ngành Tài Chính- Ngân Hàng
- Quá trình công tác:
 - + Từ 07/1991 – 08/1992 Nhân viên Kinh doanh Xí nghiệp Thủy Tinh thuộc Bộ Công Nghiệp
 - + Từ 08/1992 – 08/1998 Nhân viên Kế toán Công ty Dệt may Gia Định
 - + Từ 08/1998 – 05/1999 Phó phòng Kế toán Công ty Dệt may Gia Định
 - + Từ 05/1999 – 11/2001 Phó phòng Kinh doanh Công ty Dệt may Gia Định
 - + Từ 11/2001 – 12/2004 Trưởng Phó phòng Kế toán Công ty Dệt may Gia Định
 - + Từ 12/2004 – 10/2010 Kế toán trưởng Công ty Dệt may Gia Định
 - + Từ 11/2010 - 08/2016 Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Dệt may Gia Định
 - + Từ 08/2016 - nay Kế toán trưởng Công Ty Cổ phần Dệt may Gia Định
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
 - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết (BBT)
 - + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Wec Sài Gòn (GiayDep WEC)
 - + Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 4.531 cổ phần, chiếm 0,03% Vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu ở Công ty khác: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2. Bà Lê Thị Chính

- Số CMND: 023422966 Cấp ngày: 01/07/2009 Nơi cấp: TP HCM
- Ngày sinh: 08/03/1970
- Nơi sinh: Tiền Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế (Tài chính Doanh Nghiệp)
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1992 – nay Kế toán trưởng Công ty TNHH Thương mại Á Châu & Công ty TNHH Nhựa Nam Á.
 - + Từ 05/2009 – 12/2018 Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
 - + Từ 12/2018 - nay Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Garmex
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
 - + Kế toán trưởng Công ty TNHH Thương mại Á Châu và Công Ty TNHH Nhựa Nam Á
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 4.531 cổ phần, chiếm 0,03% Vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu ở Công ty khác: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

3. Ông Từ VI Trí

- Số CMND: 023631934 Cấp ngày: 07/07/2012 Nơi cấp: TP HCM
- Ngày sinh: 20/01/1981
- Nơi sinh: Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh Tế (Tài Chính Doanh Nghiệp, Quản Trị Kinh Doanh)
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2003 – 2006 Nhân viên Tín dụng Ngân Hàng Đông Á
 - + Từ 2006 – 2007 Chuyên viên Khách hàng Doanh nghiệp Ngân Hàng Quốc Tế VN (VIB).
 - + Từ 2007 – 2012 Chuyên viên Phân tích; Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp Công ty Chứng khoán Ngân Hàng Đông Á
 - + Từ 2012 – 2015 Chuyên viên Phân tích Đầu tư Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á.
 - + Từ 2015 – 2016 Phó phòng Phân tích – Công ty Chứng khoán KIS Việt Nam
 - + Từ 2016 – 2017 Chuyên viên Nghiên cứu Phát Triển chiến lược – Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
 - + Từ 2017 – nay Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Transimex
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % Vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu ở Công ty khác: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

a. Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

STT	BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	Chức vụ
1	Lê Hùng	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc
3	Nguyễn Minh Hằng	Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Tài chính
4	Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc
5	Trần Thị Mỹ Hạnh	Kế toán trưởng

1. Ông Lê Hùng

Xem thông tin ở SYLL HĐQT

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Xem thông tin ở SYLL HĐQT

3. Bà Nguyễn Minh Hằng

Xem thông tin ở SYLL HĐQT

4. Bà Nguyễn Thị Thu Hà

- Số CMND: 020652755 Cấp ngày: 08/04/2010 Nơi cấp: TP HCM
- Ngày sinh: 10/08/1963
- Nơi sinh: Bình Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:
 - + Từ 03/1985 – 11/1993 Nhân viên Kế toán ngân sách UBND phường 25, Quận Bình Thạnh
 - + Từ 11/1993- 11/1995 Đảng ủy viên – Phó Chủ tịch UBND phường 25
 - + Từ 11/1995 – 03/2001 Phó Bí thư Đảng ủy- Chủ tịch UBND phường 25
 - + Từ 04/2001 – 12/2001 Quận ủy viên – Bí thư Đảng ủy phường 25
 - + Từ 01/2002 – 3/2003 Quận ủy viên – Trưởng phòng Kinh tế
 - + Từ 05/2003 – 12/2004 Quận ủy viên- Chánh văn phòng HĐND – UBND quận Bình Thạnh
 - + Từ 12/2004 – 09/2009 Ủy viên ban thường vụ Quận ủy- Phó Chủ tịch UBND quận Bình Thạnh kiêm Bí thư Đảng ủy khối cơ quan UBND quận Bình Thạnh
 - + Từ 10/2009 – 07/2014 Phó Bí thư Quận ủy – Chủ tịch UBND quận Bình Thạnh
 - + Từ 07/2014 - 08/2018 Bí thư Quận ủy quận Bình Thạnh
 - + Từ 09/2018 - 03/2019 nghỉ hưu
 - + Từ 03/2019 - nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nội chính Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nội chính Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu ở Công ty khác: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không



5. Bà Trần Thị Mỹ Hạnh

- Số CMND: 079176003064 Cấp ngày: 01/11/2016 Nơi cấp: TP HCM
- Ngày sinh: 13/12/1976
- Nơi sinh: Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác:
 - + Từ 02/2000 – 10/2010 Nhân viên Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
 - + Từ 11/2010 – 04/2013 Phó phòng Kế toán Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
 - + Từ 04/2013 - nay Kế toán trưởng Công ty TNHH Garmex Quảng Nam
 - + Từ 07/2018 – nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác:
 - + Kế toán trưởng Công ty TNHH Garmex Quảng Nam
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 47 cổ phần, chiếm 0,0003% Vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu ở Công ty khác: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty)

Bảng 21: Giá trị tài sản cố định đến ngày 30/09/2019

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên Giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại
Tài sản cố định hữu hình	374.649.935.652	161.853.211.014	43.20%
Nhà xưởng, vật kiến trúc	185.633.822.459	120.097.239.115	64.70%
Máy móc thiết bị	161.565.284.862	36.920.489.235	22.85%
Phương tiện vận tải	13.004.156.513	2.672.770.146	20.55%
Thiết bị văn phòng	14.446.671.818	2.162.712.518	14.97%
Tài sản cố định vô hình	6.924.137.805	1.141.499.698	16.49%
Phần mềm máy tính	6.924.137.805	1.141.499.698	16.49%
Giấy phép nhượng quyền	-	-	-

Nguồn: BCTC Hợp nhất Quý III/2019

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 22: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	So với thực hiện 2018
Doanh thu thuần	2.038.900.592.256	1.900.000.000.000	(6,81%)
Lợi nhuận trước thuế	141.461.855.614	78.000.000.000	(44,86%)
Lợi nhuận sau thuế	120.398.844.159	62.400.000.000	(48,17%)
Tỷ lệ LNST/DTT	5,91%	3,28%	-
Tỷ lệ LNST/Vốn CSH	31,63%	11,06%	-
Cổ tức	15%	20% ~ 30%	-

Nguồn: GMC

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

- Chủ động xúc tiến mở rộng thị trường Mỹ, Châu Âu và Nhật Bản;
- Tái cơ cấu bộ máy tổ chức. Đây là hoạt động cần thiết để tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả quản trị.
- Hoàn thiện hệ thống quản lý các cấp, theo dõi sát sao và định kỳ báo cáo về tình hình sản xuất tại từng phân xưởng.

- Đầu tư vào phát triển cơ sở hạ tầng các nhà xưởng máy móc song song với nâng cao kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ của người lao động tại từng bộ phận sản xuất. Đầu tư vào hạ tầng nhà xưởng và người lao động để tránh tình trạng Công ty phải từ chối đơn hàng do năng lực sản xuất không đủ đáp ứng.
- Tăng cường xúc tiến, tìm cơ hội phát triển khách hàng, thị trường mới từ các hiệp định thương mại.
- Đa dạng hóa sản phẩm. Tăng tập trung phát triển các sản phẩm có biên lợi nhuận cao.

3. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán FPT – Chi nhánh Hồ Chí Minh đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn cũng như các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang triển khai. Chúng tôi nhận thấy rằng, Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn là doanh nghiệp có bề dày kinh nghiệm hoạt động trong ngành, có đội ngũ cán bộ, kỹ sư chuyên nghiệp và Ban lãnh đạo có bản lĩnh, năng động trong lĩnh vực dệt may xuất khẩu đã tạo cho Công ty có vị thế trên thị trường.

Nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng vẫn còn rất nhiều khó khăn. Tuy vậy, nhu cầu về đầu tư, phát triển trong ngành dệt may vẫn còn rất lớn. Đây cũng là tiềm năng phát triển của Công ty trong tương lai.

Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong năm 2019 là có tính khả thi, và Công ty cũng đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông như kế hoạch hàng năm.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

4. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức:

Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019, Công ty cam kết sẽ đưa cổ phiếu của Công ty sau đợt phát hành này vào giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán có tổ chức trong thời hạn 1 năm, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. CTCP Garmex Sài Gòn đã niêm yết trên sàn HOSE, Công ty cam kết thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thành công trong vòng 30 ngày sau khi hoàn thành đợt chào bán.

5. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành:

Không có

6. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có

CỔ PHỤ HỒ / /

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu (mười ngàn đồng/một cổ phiếu)

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành

Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán và phát hành là 8.916.157 cổ phần

Thông qua phương thức chào bán ra công chúng theo tỷ lệ 2:1

4. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán cho cổ đông: 15.000 đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá

Nguyên tắc xác định giá chào bán được tính theo giá trung bình (có tính đến trọng số) của 2 phương pháp sau:

- Phương pháp so sánh chi số giá cổ phiếu/thu nhập mỗi cổ phần P/E (gọi tắt là phương pháp so sánh P/E)
- Phương pháp so sánh chi số giá cổ phiếu/giá trị sổ sách mỗi cổ phần P/BV (gọi tắt là phương pháp P/BV)

a. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2018:

$$\begin{aligned} \text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại} &= \text{Số lượng cổ phiếu đã phát hành} - \text{Cổ phiếu quỹ} \\ \text{thời điểm 31/12/2018} & \\ &= 15.555.620 - 49.260 = 15.506.360 \text{ cổ phần} \end{aligned}$$

b. Giá trị sổ sách:

Giá trị sổ sách của cổ phiếu GMC tại thời điểm 31/12/2018 theo BCTC kiểm toán năm 2018:

Giá trị sổ sách 1 cổ phần tại thời điểm 31/12/2018 là: 24.545 đồng/CP

c. Phương pháp so sánh P/E

Phương pháp này dựa trên thu nhập kết quả kinh doanh năm 2018 của GMC và hệ số giá trên thu nhập (P/E) bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỉ tiêu	ĐVT	Số liệu
Lợi nhuận sau thuế năm 2018 (a)	VNĐ	120.398.844.159
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành 31/12/2018 (b)	Cổ phiếu	15.506.360
Thu nhập trên 1 cổ phiếu (a/b)	VNĐ/cp	7.764
Hệ số bình quân P/E của ngành	Lần	6,15
Giá cổ phiếu dự kiến theo phương pháp so sánh P/E	VNĐ/cp	47.748,6

d. Phương pháp so sánh P/BV

Phương pháp này dựa trên giá trị sổ sách ngày 31/12/2018 của GMC và hệ số giá trên giá trị sổ sách (P/BV) bình quân của các công ty đang cùng niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Chỉ tiêu	DVT	Số liệu
Giá trị sổ sách ngày 31/12/2018 (a)	VNĐ	24.526
Hệ số bình quân P/BV của ngành (b)	Lần	1,40
Giá cổ phiếu dự kiến theo phương pháp P/BV (a*b)	VNĐ/cp	34.336,4

e. Kết luận về giá cổ phiếu

Phương pháp	Giá cổ phiếu	Tỷ trọng
Phương pháp so sánh P/E	47.748,6	50%
Phương pháp so sánh P/BV	34.336,4	50%
Trung bình gia quyền (VNĐ/cp)	41.042,5	

Tính đến yếu tố thận trọng và pha loãng cổ phiếu sau khi phát hành thêm, giá chào bán được đề nghị của cổ phiếu GMC là 15.000 VNĐ/CP.

6. Phương thức phân phối

- Phân phối cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền là 2:1
- Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu tại thành viên lưu ký đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu tại Công ty.

Đối với việc phát hành toàn bộ số lượng đăng ký cho cổ đông hiện hữu, Công ty cam kết thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 189 Luật Doanh nghiệp.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian thực hiện dự kiến Quý III – IV năm 2019. Thời gian phân phối cổ phiếu được thực hiện sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng, nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán ra công chúng có hiệu lực. Cổ đông không thực hiện góp vốn theo thời gian thông báo của Hội đồng quản trị xem như từ bỏ quyền mua cổ phiếu. Số cổ phiếu cổ đông từ bỏ quyền mua sẽ do Hội đồng quản trị quyết định phân phối.

Lịch trình phân phối cổ phiếu được thực hiện như sau:

- ❖ Bước 1: Xác định danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu
 - Công ty sẽ xác định ngày chốt danh sách cổ đông để xác định cổ đông được quyền mua thêm cổ phiếu mới.
- ❖ Bước 2: Thực hiện quyền mua cổ phiếu
 - Công ty thực hiện quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông. Đảm bảo nguyên tắc phải được gửi đến từng cổ đông theo địa chỉ đã đăng ký.
 - Các cổ đông thuộc Danh sách người sở hữu cuối cùng sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán theo tỷ lệ được mua đã quy định trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày.

- Khi đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm, cổ đông sẽ nộp tiền mua cổ phiếu theo giá quy định vào tài khoản phong tỏa cho đợt phát hành theo thông báo. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa được đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.
- Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có yêu cầu, việc chuyển nhượng quyền kết thúc trước 02 (hai) ngày làm việc so với hạn cuối đăng ký thực hiện quyền. Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng và được thực hiện tại Công ty, cụ thể như sau:
 - + Việc đăng ký chuyển nhượng quyền mua cổ phần được thực hiện tại Công ty.
 - + Sau khi nhận đơn đăng ký chuyển nhượng quyền mua cổ phần, Công ty sẽ kiểm tra việc sở hữu quyền mua cổ phiếu của người chuyển nhượng quyền mua và xác nhận việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu.
- ❖ Bước 3: Kết thúc thực hiện quyền mua
 - Kết thúc thời gian đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần, Công ty lập Báo cáo tình hình thực hiện quyền mua cổ phần và Danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm sau 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn thực hiện quyền.
- ❖ Bước 4: Phân phối cổ phiếu
 - Các cổ đông có trong danh sách thực hiện quyền mua nộp tiền vào tài khoản phong tỏa trong thời hạn đăng ký.

Bảng 23: Lịch trình phân phối cổ phiếu

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Thực hiện
1	Nhận Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu của UBCK NN	D	GMC
2	Thực hiện công bố thông tin về đợt phát hành	D+1 đến D+12	GMC, FPT
3	Gửi hồ sơ đến VSD, HOSE, thông báo về việc thực hiện quyền cho cổ đông GMC gồm thông tin các ngày cụ thể như: ngày đăng ký cuối cùng, thời gian chuyển nhượng quyền, thời gian đăng ký mua"	D+1 đến D+3	GMC
4	Nhận danh sách tổng hợp người sở hữu được phân bổ quyền mua	D+20 đến D+22	GMC
5	Cổ đông GMC nhận được Thông báo về việc sở hữu quyền mua	D+29 đến D+31	GMC
6	Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu	D+30 đến D+41	NĐT
7	Cổ đông đăng ký và nộp tiền mua Cổ phiếu	D+30 đến D+51	NĐT
8	VSD gửi danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký thực hiện quyền mua	D+53 đến D+64	VSD
9	HDQT phân phối số cổ phiếu GMC không bán hết (nếu có)	D+64 đến D+70	GMC
10	Báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN	D+70 đến D+80	GMC, FPT

(Ghi chú: D được tính theo ngày bình thường lịch trình phân phối cổ phiếu sẽ được thông báo chính thức sau khi Công ty nhận được giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu từ UBCKNN).

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- 8.1. Thời hạn: Thời gian đăng ký mua cổ phiếu sẽ phụ thuộc vào thời gian phân phối cổ phiếu. Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành, sẽ bảo đảm thời hạn đăng ký mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng luật định.
- 8.2. Số lượng: Là số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phiếu lẻ còn lại do làm tròn số và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.
- 8.3. Phương thức thanh toán:
 - Đối với cổ đông hiện hữu đã lưu ký (có tên trong danh sách tại ngày chốt quyền): Làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu tại các thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện hết hiệu lực.
 - Đối với cổ đông hiện hữu chưa lưu ký (có tên trong danh sách tại ngày chốt quyền): Làm thủ tục đăng ký mua tại trụ sở Công ty và nộp tiền mua cổ phiếu trực tiếp tại Công ty hoặc nộp tiền vào tài khoản phong tỏa.
- 8.4. Chuyển giao cổ phiếu: Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN, sẽ được Công ty cập nhật vào Sổ theo dõi danh sách cổ đông của Công ty.
- 8.5. Quyền lợi người mua: Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu tự do chuyển nhượng.

9. Phương thức thực hiện quyền

- Chào bán cho cổ đông hiện hữu: Vào ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu 01 cổ phần sẽ được 01 quyền mua, cứ 2 quyền mua thì sẽ được mua 01 cổ phần mới, số cổ phần được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- Phương thức thực hiện quyền: Cổ đông được hưởng quyền ưu tiên mua cổ phần sẽ thực hiện theo phương thức thực hiện quyền. Quyền mua cổ phiếu được chuyển nhượng theo nguyên tắc là người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác, người nhận chuyển nhượng quyền mua sẽ không được chuyển nhượng cho người thứ ba.

10. Phương án xử lý cổ phần chưa phân phối hết và cổ phần lẻ phát sinh (nếu có)

- Phát hành cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu: Cổ phiếu dôi dư phát sinh bao gồm lượng cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đặt mua hết, HĐQT sẽ cộng dồn và phân phối cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu (15.000 đồng/cổ phiếu). Số cổ phiếu phát hành nêu trên bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành. ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện xử lý cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu từ bỏ quyền mua; thực hiện các biện pháp xử lý trong trường hợp không chào bán hết số cổ phiếu đăng ký phát hành.
- Đối với việc xử lý cổ phiếu do cổ đông từ chối quyền mua hoặc không thực hiện quyền, Công ty cam kết đáp ứng các quy định tại khoản 3 Điều 9 của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP và đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP trong trường hợp bán cho các đối tượng khác.
- Sau khi kết thúc đợt chào bán, Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi nội dung trong Điều lệ tổ chức và hoạt động với số vốn điều lệ mới và tiến hành đăng ký lại Giấy Đăng ký kinh doanh theo quy định.

10.1. Phương pháp tính và đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền

Trong trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện được quyền mua cổ phiếu, các vấn đề có liên quan được ủy quyền cho HĐQT giải quyết.

10.2. Các điều khoản khác liên quan đến quyền lợi của người sở hữu quyền mua cổ phiếu

Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc mua một phần số lượng cổ phần chào bán theo quyền mua hoặc được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông được quyền thực hiện quyền mua cổ phần phát hành mới này hoặc các nhà đầu tư và chỉ được chuyển nhượng một (01) lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua thì không được chuyển nhượng cho người thứ ba) trong thời gian thực hiện quyền.

Đối với việc xử lý cổ phiếu lẻ cổ phiếu cổ đông từ chối quyền mua hoặc không thực hiện quyền, Công ty cam kết thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 9 của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP và tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 189 Luật Doanh nghiệp.

Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất cứ một khoản chi phí nào, cũng như không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong việc không thực hiện quyền của cổ đông.

11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Đối với cổ đông hiện hữu: Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 26/06/2015 về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Hiện tại Công ty đang kinh doanh một số ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện như: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, v.v... Tuy nhiên do hiện nay chưa có quy định cụ thể về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với ngành nghề này. Vì vậy giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài của Công ty tối đa theo quy định là 49%. Căn cứ vào danh sách cổ đông chốt ngày 21/06/2019, số lượng cổ phiếu của Công ty do cổ đông nước ngoài nắm giữ là 2.329.341 cổ phần chiếm 13,03% vốn điều lệ. Sau đợt phát hành, vốn điều lệ của Công ty dự kiến sẽ tăng lên 267.970.850.000 đồng, tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá tỷ lệ theo quy định pháp luật hiện hành

12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:

Quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng 01 (một) lần. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho một hoặc nhiều người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Bên nhận chuyển nhượng không được tiếp tục chuyển nhượng cho người khác. Cổ phiếu của cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.

Số cổ phiếu chưa phân phối hết và cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối cho các đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo qui định của pháp luật trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

13. Các loại thuế có liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán:

Các cổ đông sẽ phải chịu thuế thu nhập khi có thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, nhận cổ tức theo các quy định hiện hành của Luật thuế Thu nhập cá nhân, Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

14. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu và phương án xử lý

Đợt phát hành cổ phiếu trong năm 2019, Công ty sẽ chào bán 8.916.157 cổ phiếu với giá phát hành 15.000/cổ phiếu, dự kiến số tiền thu được là 133.742.355.000 đồng.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong các năm qua luôn đạt hiệu quả cao và tình hình tài chính lành mạnh với giá đóng cửa bình quân 30 phiên giao dịch (từ 30/08/2019 – 22/07/2019) 30.528,33 đồng/cổ phiếu. Trong trường hợp chào bán không đạt tỷ lệ chào bán thành công hoặc số tiền thu về từ đợt phát hành không đạt mức tối thiểu, Công ty sẽ chủ động huy động nguồn vốn vay để thực hiện kế hoạch.

15. Ngân hàng mở tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu:

Tên tài khoản: Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Số hiệu tài khoản: 007 100 1087333 - Tên Ngân hàng: VCB - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tòa nhà VBB, số 5 công trường Mê Linh, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Căn cứ vào Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 25/04/2019 của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn đã thông qua kế hoạch phát hành tăng vốn điều lệ mục đích để bổ sung vốn lưu động nhằm mang lại hiệu quả hoạt động cao nhất cho Công ty.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

- Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán này là 133.742.355.000 đồng.
- Công ty xây dựng kế hoạch sử dụng vốn như sau:

Bảng 24: Kế hoạch sử dụng vốn

STT	Các khoản mục	Số tiền (đồng)
1	Chi lương	60.000.000.000
2	Mua nguyên phụ liệu, bao bì, chi phí gia công, xuất nhập khẩu và chi phí khác cho sản xuất	73.742.355.000
Tổng cộng		133.742.355.000

2. Phương án xử lý trường hợp không huy động đủ nguồn vốn

Từ số tiền thực tế thu được từ đợt phát hành này, Công ty sẽ cân đối ưu tiên sử dụng vào các nhu cầu vốn cần thiết trước như mua nguyên vật liệu, trả lương cho cán bộ công nhân viên nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả nhất. Trong trường hợp nguồn vốn này không đảm bảo đủ nhu cầu vốn cần thiết, Công ty sẽ huy động từ các nguồn khác như vay Ngân hàng, v.v...

11/10/2019 10:00:00 AM

**VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN
TỔ CHỨC KIỂM TOÁN****Công ty TNHH PKF Việt Nam – Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh**

Địa chỉ : Số 28 Nguyễn Thị Diệu, Phường 6, Quận 3, Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : (84.28) 39333444
Fax : (84.28) 39308769
Email : pkf.hcm@pkf.com.vn
Website : www.pkf.com.vn

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 20, Bitexco Financial Tower, Số 2 Đường Hải Triều, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (84.28) 3824 5252
Fax : (84.28) 3824 5250
Email : eyhcmc@vn.ey.com
Website : www.ey.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN**Công ty Cổ phần chứng khoán FPT – CN Tp.Hồ Chí Minh**

Trụ sở chính : 52 đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội
Điện thoại : (84.24) 3773 7070 – 6271 7171
Fax : (84.24) 3773 9058
Email : fptsecurities@fpts.com.vn
Website : <http://www.fpts.com.vn>

Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84.28) 6290 8686 Fax: (84.28) 6291 0607

Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

Theo đánh giá của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn là doanh nghiệp trong lĩnh vực dệt may xuất khẩu, hoạt động rất hiệu quả và đã tạo dựng được thương hiệu trong ngành dệt may Việt Nam. Công ty có kế hoạch huy động thêm vốn thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Phương án phát hành cổ phiếu này đã được đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 25/04/2019 thông qua với tỷ lệ nhất trí cao. Theo đánh giá của đơn vị tư vấn, đợt chào bán phát hành ra công chúng là phù hợp với nhu cầu về vốn của doanh nghiệp cũng như phù hợp với tình hình kinh tế, chính sách tín dụng và quy định của pháp luật.

IX. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019
3. **Phụ lục III:** Bản sao hợp lệ Nghị quyết HĐQT thông qua hồ sơ chào bán
4. **Phụ lục IV:** Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty
5. **Phụ lục V:** Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính kiểm toán và 2017, 2018, Báo cáo tài chính Quý III/2019
6. **Phụ lục VI:** Các văn bản tài liệu liên quan đến thông tin công bố trong Bản cáo bạch và các tài liệu khác
7. Các phụ lục khác



NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Tp.HCM, Ngày 04. tháng 11. năm 2019

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

CHỦ TỊCH HĐQT



BÙI TUẤN NGỌC

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ HÙNG

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

NGUYỄN MINH HẰNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

PHAN THỊ PHƯƠNG

TỜ CHỨC TƯ VẤN
CTCP CHỨNG KHOÁN FPT CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP



[Handwritten signature in blue ink]

LÊ QUANG NGỌC THANH

